



Lời mở đầu

1-Sự cần thiết của đề tài:

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế. Với mục tiêu từ nay đến năm 2011, nước ta cơ bản là một nước công nghiệp phát triển với nhiều thành phần kinh tế, nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, đảm bảo mục tiêu kinh tế phát triển, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng và quan tâm đến sự phát triển của kinh tế-xã hội, lấy hiệu quả kinh tế-xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để định ra phương án phát triển. Bởi vậy, tàu thủy là một trong những ngành công nghiệp quan trọng, góp phần tạo ra sự đổi mới, phát triển và hoàn thiện mục tiêu. Trong những năm gần đây ngành công nghiệp tàu thủy đang có những bước tăng trưởng và phát triển cao. Tuy nhiên sự cạnh tranh gay gắt của môi trường kinh doanh, đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nhằm mục tiêu có lãi và tạo chỗ đứng trên thị trường.

Đối với Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I, là một đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty xây dựng đường thủy. Nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỉ trọng tương đối lớn trong việc tính giá thành sản phẩm, trong đó nhiên liệu lại giữ một vai trò chủ yếu. Do vậy lại càng không thể thiếu công tác kế toán và quản trị để xây dựng được một chu trình quản lý nguyên vật liệu một cách khoa học.

Xuất phát từ vấn đề nêu trên, sau một thời gian thực tập tại Công ty, trên cơ sở những kiến thức đã được học ở trường, cùng với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Bùi Thị Thúy và sự giúp đỡ của các cô chú trong phòng tài chính kế toán, em đã chọn đề tài: "*Công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I*"

2-Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Nguyên vật liệu là yếu tố chủ yếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trên thực tế vấn đề không chỉ đơn thuần là có và sử dụng nguyên vật liệu, mà điều quan trọng là phải sử dụng như thế nào có hiệu quả, tránh tình trạng cung cấp thiếu gây ngừng sản xuất hay thừa gây ứ đọng vốn. Bởi vì chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Muốn vậy phải có một chế độ quản lý thích đáng và toàn diện đối với nguyên vật liệu từ khâu cung cấp cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và thời hạn cung cấp để đảm bảo hoạt động bình thường của quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, nhất thiết phải xây dựng chu trình quản lý nguyên vật liệu một cách khoa học.

3-Kết cấu của khóa luận:

Ngoài lời mở đầu và phần kết luận, chuyên đề gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu của công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu ở công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I.

Kết hợp với những kiến thức đã học cùng với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo-Thạc sỹ Bùi Thị Thúy và sự giúp đỡ của cán bộ Ban kế toán của Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I đã giúp em hoàn thành khóa luận này. Tuy nhiên do thời gian và trình độ có hạn nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Đàm Thị Vân Trang

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu:

- Khái niệm vật liệu: Vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất.

- Vai trò: là một yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu là thành phần chính để cấu tạo nên sản phẩm. Nguyên vật liệu được nhận diện dễ dàng trong sản phẩm vì nó tượng trưng cho đặc tính dễ thấy lớn nhất của cái gì đã được sản xuất. Do vậy muốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiến hành được đều đặn, liên tục phải thường xuyên đảm bảo cho nó các loại nguyên vật liệu, năng lượng đủ về số lượng, kịp về thời gian, đúng về qui cách, phẩm chất. Đây là một vấn đề bắt buộc mà nếu thiếu thì không thể có quá trình sản xuất sản phẩm được.

1.1.2. Đặc điểm, yêu cầu quản lý của nguyên vật liệu:

a, Đặc điểm:

Vật liệu là đối tượng lao động nên có đặc điểm là: tham gia vào một chu kỳ sản xuất, thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng và chuyển toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm được sản xuất ra. Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng tiết kiệm vật liệu và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp sản xuất cần phải có nguyên vật liệu, năng lượng mới tồn tại được. Vì vậy đảm bảo nguyên vật liệu, năng lượng cho sản xuất là một tất yếu khách quan, một điều kiện chung của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên sẽ là một thiếu sót

nếu chỉ nhắc tới nguyên vật liệu mà lại không nhắc tới tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu. Nguyên nhân có thể tóm tắt như sau:

-Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong một đơn vị sản phẩm so với các khoản mục chi phí sản xuất khác (lao động trực tiếp và sản xuất chung);

-Số liệu chính xác về nguyên vật liệu có trong tay phải thường xuyên phản ánh để xác định khi nào cần đặt mua tiếp với người bán vì nếu không sẽ làm gián đoạn sản xuất;

-Một số sản phẩm cần nhiều loại nguyên vật liệu để sản xuất. Điều này đòi hỏi rất nhiều chứng từ gốc và các thủ tục kiểm tra để đảm bảo việc cung cấp nhịp nhàng và đồng bộ các loại nguyên liệu cho sản xuất.

Tất cả các lý do này đòi hỏi sổ sách phải được lập một cách chính xác vì nếu không công ty sẽ rất khó mà xác định số nguyên vật liệu cần mua và lúc nào mua. Sổ sách chính xác và kiểm tra nội bộ tốt cũng đảm bảo tất cả nguyên vật liệu được cung cấp đầy đủ và đúng cho phân xưởng sản xuất khi cần thiết. Công tác kiểm tra nội bộ qua hệ thống ghi sổ sách nhằm đảm bảo các nguồn vốn của công ty được sử dụng theo đúng kế hoạch.

b, Vấn đề sử dụng nguyên vật liệu:

Vấn đề sử dụng nguyên vật liệu hợp lý luôn là một vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, vì vậy công tác quản lý nguyên vật liệu nhằm tối thiểu hóa chi phí, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp mà vẫn đạt được những yêu cầu về chất lượng luôn luôn là vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do đó để đảm bảo công tác hạch toán được chính xác đòi hỏi chúng ta phải quản lý tốt và chặt chẽ từ mọi khâu: từ khâu thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng.

***Ở khâu thu mua:** đòi hỏi phải quản lý tốt về mặt khối lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, kế hoạch thu mua theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là giá mua và chi phí mua.

***Ở khâu bảo quản:** việc tổ chức kho tàng bên bãi phải thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt; đảm bảo an toàn chất lượng cho nguyên vật liệu.

***Ở khâu dự trữ:** đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo nguồn cung ứng, sản xuất không bị ngừng trệ.

***Ở khâu sử dụng:** đòi hỏi các nhà quản lý phải sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí có ý nghĩa trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy trong khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng nguyên vật liệu.

Tóm lại, quản lý nguyên vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp luôn được các nhà lãnh đạo quan tâm.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán:

- Phản ánh chính xác, kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp;
- Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời trị giá vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật liệu, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vật liệu sai mục đích, lãng phí;
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ vật liệu, phát hiện kịp thời các loại vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại;
- Thực hiện việc kiểm kê vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về vật liệu, tham gia công tác phân tích và thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng vật liệu.

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

1.2.1. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu:

1.2.1.1. Sự cần thiết: Trong các DN, NVL bao gồm nhiều chủng loại khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng trong quá trình sản xuất và tính năng lý, hóa khác nhau.

Do

đó, để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết với từng chủng loại NVL phục vụ cho yêu cầu quản lý, DN cần tiến hành NVL theo những tiêu hức thích hợp

1.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu:

a, Căn cứ vào vai trò, công dụng của nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên liệu, vật liệu chính là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau, như: sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí; bông trong các nhà máy sợi; gạch, ngói, xi măng trong xây dựng cơ bản; hạt giống, phân bón trong nông nghiệp...

- Nguyên liệu, vật liệu phụ là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ, dụng cụ hoạt động bình thường như: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn.

- Nhiên liệu là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh như than, củi, xăng dầu, hơi đốt, khí đốt...

- Phụ tùng thay thế là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị phương tiện vận tải...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu; là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

b, Căn cứ vào nguồn hình thành: Nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do mua ngoài, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng...

- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp tự sản xuất.

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

c, Căn cứ vào mục đích sử dụng: Nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh:

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.
- + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
 - + Nhượng bán.
 - + Đem vốn góp liên doanh.
 - + Đem biếu tặng.

1.2.1.3. Đánh giá nguyên vật liệu:

a, Nguyên tắc đánh giá: nguyên vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc thận trọng (theo chuẩn mực 02- hàng tồn kho). Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu, là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được nguyên vật liệu ở địa điểm và trạng thái hiện vật. Nội dung giá gốc của nguyên vật liệu được xác định theo từng nguồn nhập

b, Đánh giá nguyên vật liệu nhập kho: là xác định giá trị thực tế của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định và phương pháp nhất định

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

*) Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

*) Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại; chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương

mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được loại trừ khỏi chi phí thu mua.

*) Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm: Những chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và

chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

*) Chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

*) Chi phí không được tính vào hàng tồn kho bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

Trên thực tế, nguyên vật liệu của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn khác nhau như: mua ngoài, nhập kho tự sản xuất, nhập do thuê ngoài gia công chế biến, nhập do nhận vốn góp liên doanh, nhập do được cấp do đó mà giá thực tế nhập kho cũng khác nhau:

****Nguyên vật liệu nhập do mua ngoài:***

| | | | | | |
|----------|----------|---|------------|-------------|---------------------|
| | | | Các | Chi phí thu | Các khoản giảm giá |
| Giá thực | Giá | | khoản | mua (chi | được hưởng (chiết |
| tế nhập | mua ghi | | thuế nhập | phí vận | khấu thương mại, |
| kho | trên hóa | + | khẩu, thuế | chuyển, | chiết khấu thanh |
| | đơn | | khác (nếu | bóc dỡ, | toán, giảm giá hàng |
| | | | có) | thuê kho) | bán) |

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

****Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công:***

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{xuất gia công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

***Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu xuất thuê} \\ \text{ngoài gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển bốc} \\ \text{dỡ thuê kho} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phải trả} \\ \text{cho bên nhận} \\ \text{gia công} \end{array}$$

***Nguyên vật liệu nhận góp từ đơn vị khác:**

Giá thực tế nguyên vật liệu nhận góp vốn là giá do hội đồng liên doanh đánh giá và công nhận.

***Nguyên vật liệu nhận viện trợ và tặng thưởng:**

Giá thực tế nguyên vật liệu là giá của hàng hóa cùng loại trên thị trường tương đương do hội đồng giao nhận xác định.

***Đối với phế liệu thu hồi:**

Giá thực tế của phế liệu thu hồi là giá được ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu.

c, Đánh giá nguyên vật liệu xuất kho:

- Do nguyên vật liệu của doanh nghiệp được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, vào những khoảng thời gian khác nhau nên giá thực tế nhập kho cũng khác nhau. Vì vậy khi xuất kho phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho các yêu cầu và đối tượng sử dụng khác nhau.

- Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo các phương pháp khác nhau, tuy nhiên khi doanh nghiệp áp dụng phương pháp nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong một niên độ kế toán.

- Một số phương pháp tính giá xuất kho chủ yếu:

***Phương pháp giá đích danh**

Theo phương pháp này thì hàng tồn kho thuộc lô hàng nào thì lấy đúng đơn giá nhập thực tế của chính lô hàng đó để tính giá thực tế của hàng xuất kho. Giá trị của

những lô hàng còn trong kho được tính theo số lượng thực tế của những lô hàng và đơn giá của chính những lô hàng đó và tổng hợp lại.

***Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính dựa trên cơ sở số lượng thực xuất trong kỳ và đơn giá bình quân.

Công thức tính:

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thực tế xuất kho}}{\text{Giá bình quân một đơn vị sản phẩm}} \times$$

Trong đó giá bình quân đơn vị được tính theo từng phương pháp sau:

- Giá bình quân đơn vị cả kỳ dự trữ (tháng, quý):

$$\text{Giá bình quân đơn vị cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này mặc dù tính toán đơn giản và kịp thời phản ánh được tình hình nhập vật liệu trong kỳ và số lượng tồn đầu kỳ nhưng không chính xác vì không tính đến sự biến động của vật liệu trong kỳ mà dồn vào cuối tháng.

- Giá bình quân đơn vị cuối kỳ trước (đầu kỳ này):

$$\text{Giá bình quân đơn vị} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn cuối kỳ trước (đầu kỳ này)}}{\text{Số lượng vật liệu tồn cuối kỳ trước (đầu kỳ này)}}$$

Phương pháp này có ưu điểm phản ánh tình hình xuất dùng vật liệu trong kỳ tuy nhiên do không đề cập đến giá cả vật liệu phát sinh kỳ này nên độ chính xác không cao.

- Giá bình quân đơn vị sau mỗi lần nhập:

$$\text{Giá bình quân đơn vị} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu trước và sau đợt nhập}}{\text{Lượng thực tế vật liệu trước và sau đợt nhập}}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao hơn và khắc phục được nhược điểm của hai phương pháp trên nhưng lại tốn nhiều công sức vì sau mỗi lần nhập lại phải tính lại giá vật liệu.

***Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):**

Theo phương pháp này thì lô hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá mua thực tế lần nhập đó để tính trị giá hàng xuất kho, số còn lại tính theo đơn giá của lần nhập tiếp theo. Trị giá tồn kho cuối kỳ được tính theo số lượng hàng tồn kho và đơn giá của những lô hàng nhập sau cùng.

***Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Theo phương pháp này thì lô hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước. Căn cứ vào số lượng vật liệu tính ra giá trị thực tế xuất kho theo nguyên tắc tính theo đơn giá của lần nhập sau cùng đối với số lượng xuất kho thuộc lần nhập sau cùng, số còn lại được tính theo đơn giá thực tế của lần nhập trước đó.

*) Đánh giá NVL theo giá hạch toán là giá kế hoạch hoặc giá ổn định nào đó, đến cuối kỳ kế toán tiến hành điều chỉnh từ giá hạch toán về giá thực tế thông qua hệ số giá H. Việc điều chỉnh giá hạch toán như sau:

- Xác định hệ số giá hạch toán và giá thực tế của NVL

$$\text{Hệ số giá (H)} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán NVL nhập trong kỳ}}$$

- Sau đó tính giá thực tế xuất kho căn cứ vào giá hạch toán xuất kho và hệ số (H):

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất} = \text{Trị giá hạch toán NVL xuất kho} \times \text{Hệ số giá}$$

1.2.3. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu về số lượng và giá trị. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp để góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm: Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT.

Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT.

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 03-VT.

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ: Mẫu 04-VT.

Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 05-VT.

Bảng kê mua hàng: Mẫu 06-VT.

Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: Mẫu 07-VT.

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ: Mẫu 03P XK-3LL.

Hóa đơn bán hàng thông thường: Mẫu 02GTGT-3LL.

Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, (sản phẩm, hàng hóa): Mẫu S10-DN.

Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu S11-DN.

Thẻ (Sổ) kho: Mẫu S12-DN.

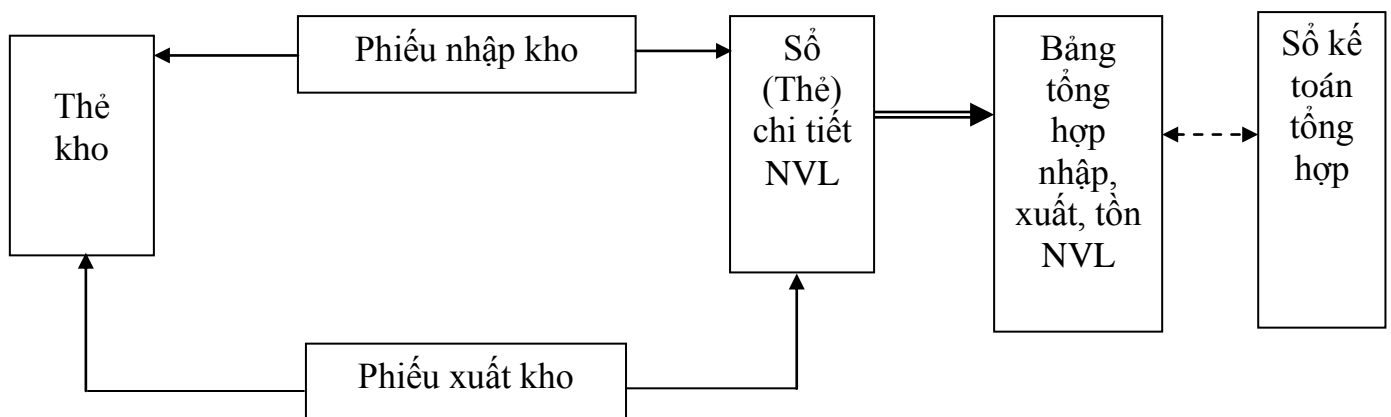
- Các chứng từ phải lập kịp thời, đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố nhằm đảm bảo tính pháp lý để ghi sổ kế toán. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc luân chuyển chứng từ cần có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo việc ghi chép kế toán được lập kịp thời, đầy đủ.

1.2.3.2. Tổ chức công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Tổ chức tốt kế toán chi tiết vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu. Kế toán vật liệu vừa được thực hiện ở kho vừa được thực hiện ở phòng kế toán.

Trong thực tế có 3 phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu, tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể mà các doanh nghiệp có thể sử dụng một trong 3 phương pháp sau:

a, Phương pháp ghi thẻ song song:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

*Quy trình hạch toán:

- **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho và số thực tế có trong kho. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc

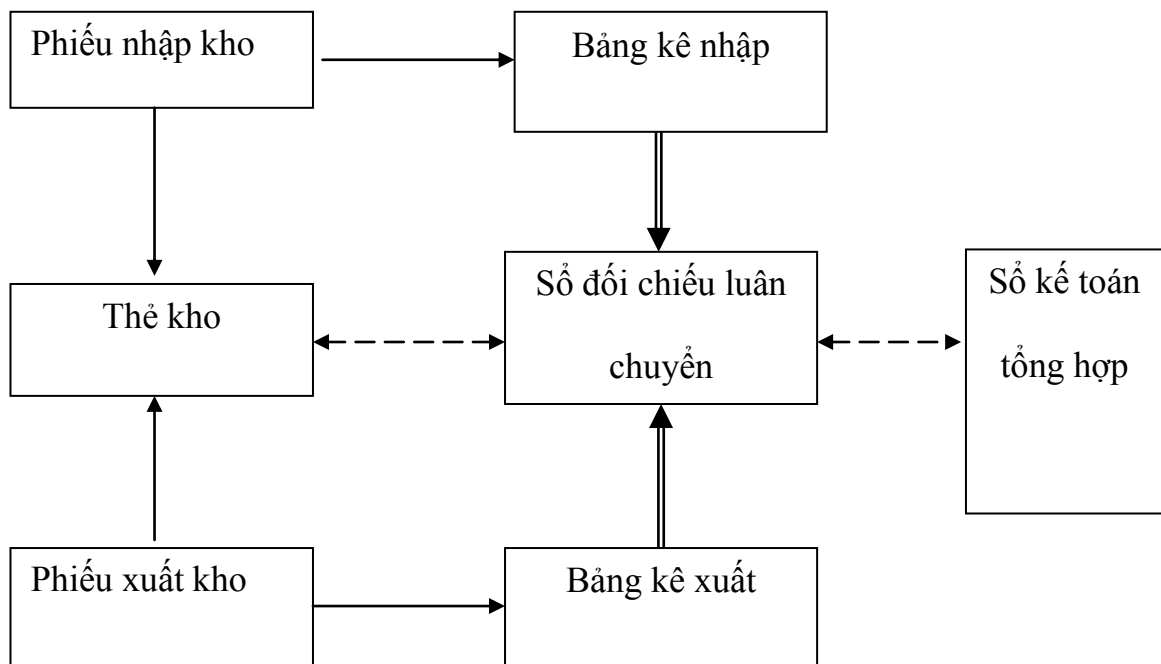
định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho nguyên vật liệu của thủ kho chuyển đến, kế toán phải có nghĩa vụ kiểm tra tính chính xác của các chứng từ này rồi ghi chép vào sổ (thẻ) có liên quan. Cuối tháng, kế toán cộng sổ (thẻ) tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp tình hình nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu.

***Điều kiện áp dụng:** Cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng nhập, xuất không nhiều và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán không cao.

-Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, đảm bảo độ tin cậy cao, có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị.

-Nhược điểm: Khối lượng công việc ghi chép lớn, ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán.

b, Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân

chuyển:

| | |
|-----------------------------|---------|
| Ghi hàng ngày | —————> |
| Ghi cuối tháng hoặc định kỳ | =====> |
| Quan hệ đối chiếu kiểm tra | ←-----> |

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại nguyên vật liệu, mỗi loại chỉ ghi một dòng trong sổ. Sau đó tính ra số tồn kho cuối tháng và ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

***Điều kiện áp dụng:**

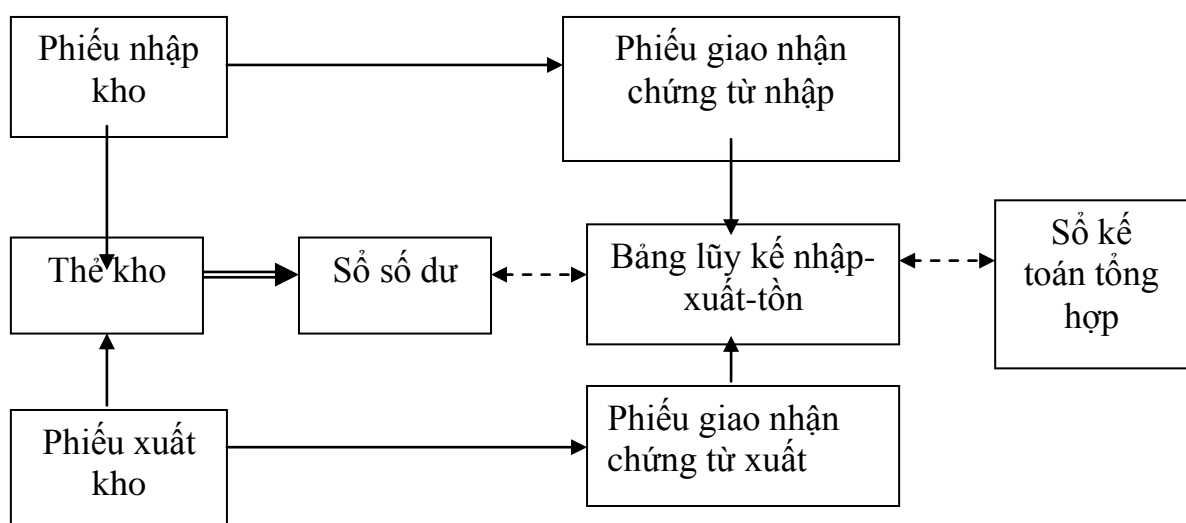
Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày.

Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

-**Ưu điểm:** Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

-**Nhược điểm:** Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

c, Phương pháp ghi sổ số dư:




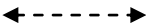
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

Ghi chú:

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ 

Quan hệ đối chiếu kiểm tra 

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho vật liệu.

- **Tại phòng kế toán:** Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho vật liệu. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào bảng nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ nhập-xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên bảng kê nhập-xuất-tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm vật liệu sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

***Điều kiện áp dụng:** Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu nhập-xuất-tồn kho.

-**Ưu điểm:** Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

-**Nhược điểm:** Khi thực hiện phương pháp này thì phức tạp hơn và phải nhiều bước, nhiều thủ tục.

1.2.4. Tổ chức KT tổng hợp NVL trong DN:

Theo chế độ hiện hành có hai phương pháp kế toán hàng tồn kho là: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp

kế toán hàng tồn kho phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

1.2.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị; hàng có kỹ thuật, chất lượng cao.

***Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

| Nợ | TK 152 | Có |
|--|--------|--|
| <p><u>SDDK</u>: Trị giá thực tế tồn đầu kỳ</p> | | |
| <p>*Phát sinh tăng:</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác - Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê | | <p>*Phát sinh giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc mang góp vốn - Trị giá của nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua - Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng - Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm kê |
| <p>- Cộng phát sinh</p> | | |
| | | - Cộng phát sinh |
| <p><u>SDCK</u>: Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ</p> | | |

- **TK 151 “Hàng mua đang đi đường”**: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151

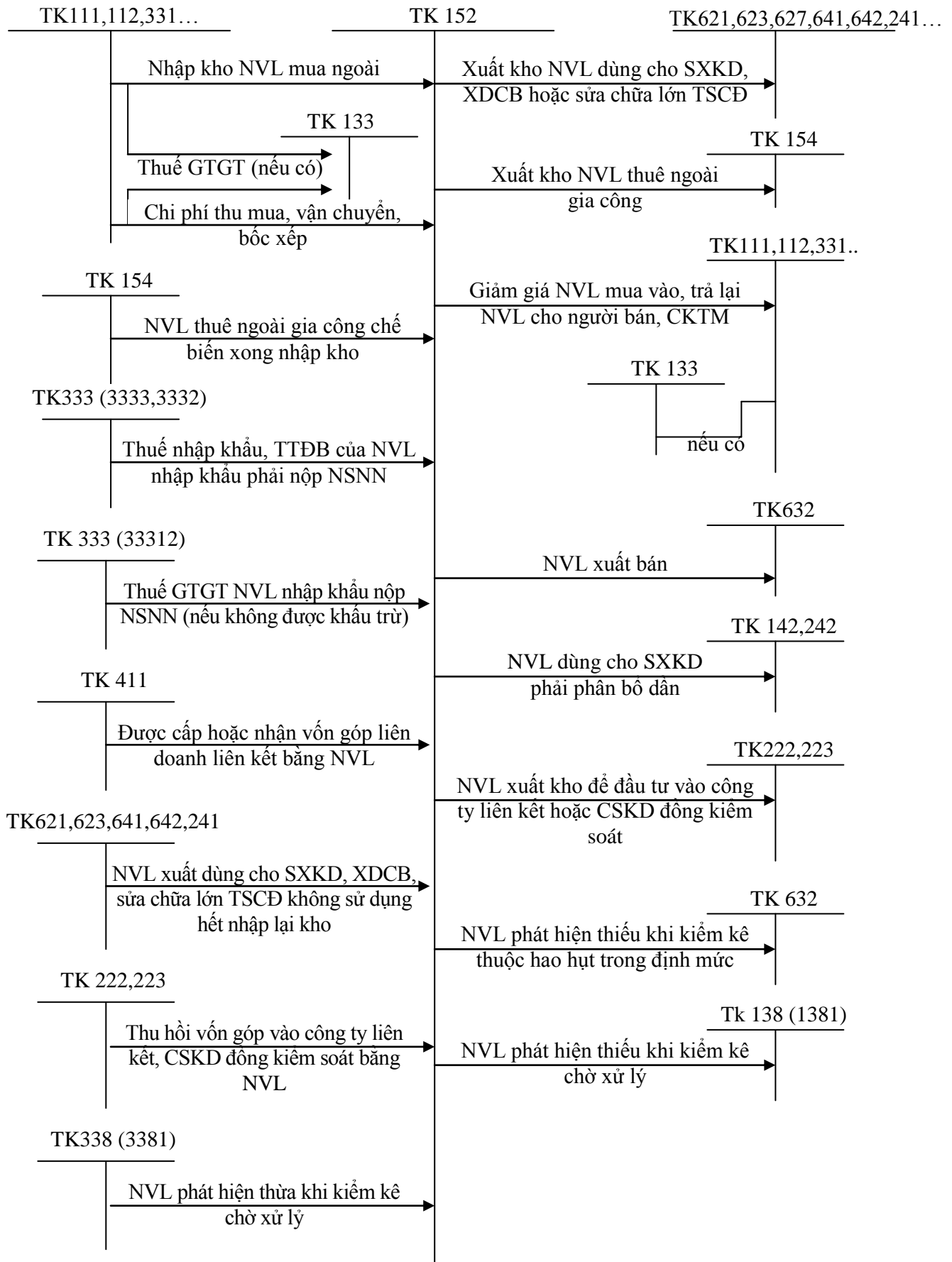
| TK 151 | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| <p><u>SDDK</u>: Trị giá thực tế tồn đầu kỳ</p> <p>*Phát sinh tăng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường <hr/> <p>- Cộng phát sinh</p> <hr/> | <p>*Phát sinh giảm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường, đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng <hr/> <p>- Cộng phát sinh</p> <hr/> |
| <p><u>SDCK</u>: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị)</p> | |

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.4.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị hàng} \\ \text{xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Tổng giá trị} \\ \text{hàng nhập} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá trị hàng} \\ \text{tồn kho cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng: TK611 “Mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế; giá trị vật tư hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK611 “Mua hàng”.

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ)

*Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 611 “Mua hàng”:** Tài khoản này sử dụng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611

| Nợ | TK 611 | Có |
|---|--------|---|
| -Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê) | | -Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê) |
| -Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu mua vào | | -Giá gốc nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ) (theo kết quả kiểm kê) |
| | | -Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá |

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK152.

| TK152 | |
|--|---|
| Nợ | Có |
| - Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ | - Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ |
| - Cộng phát sinh | - Cộng phát sinh |
| <u>SDCK:</u> Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ | |

- **TK 151 “Hàng mua đang đi đường”:**

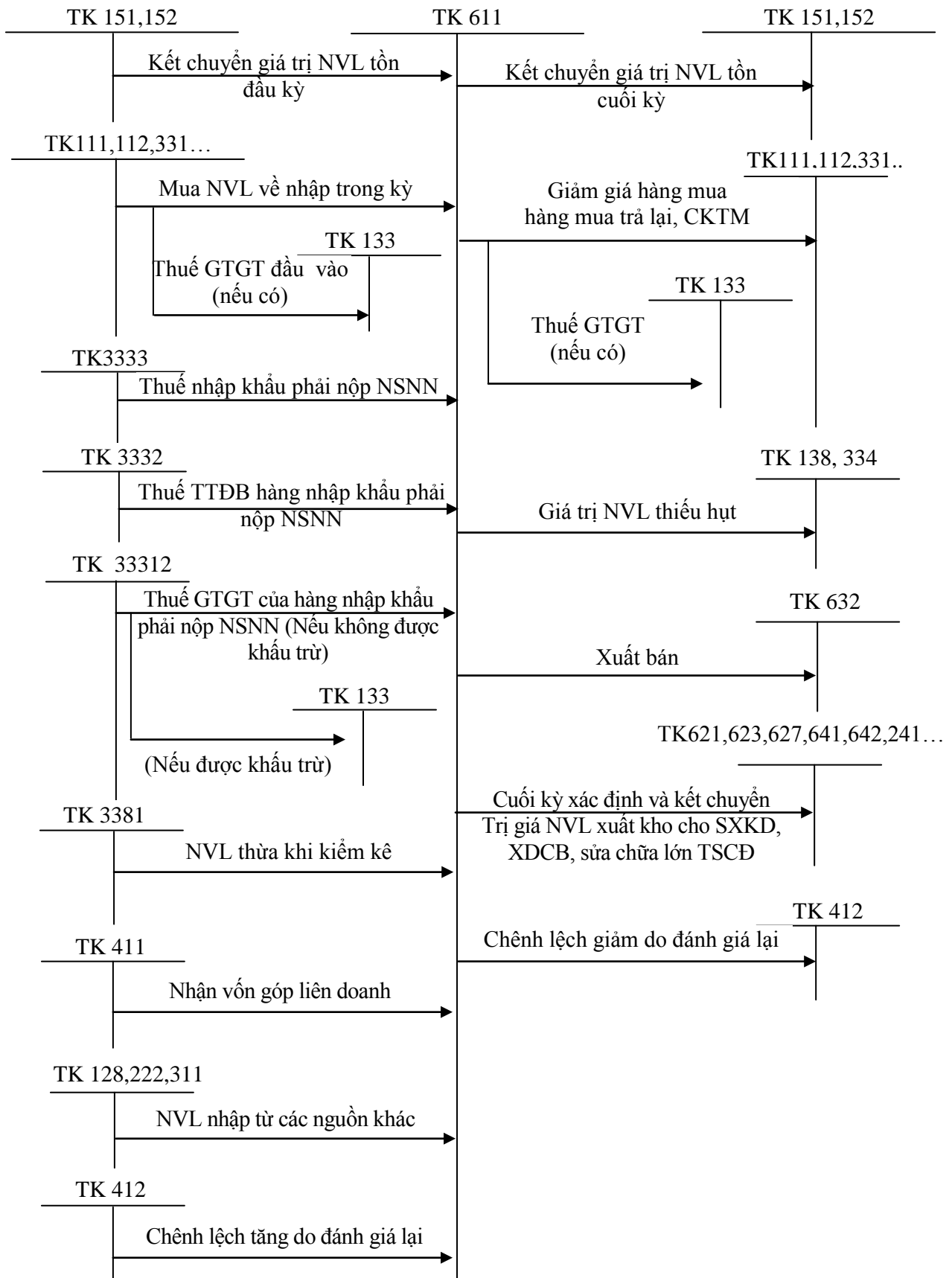
| TK151 | |
|--|--|
| Nợ | Có |
| - Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ | - Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường đầu kỳ |
| - Cộng phát sinh | - Cộng phát sinh |
| <u>SDCK:</u> Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị) | |

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: TK111, TK112, TK133, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai định kỳ được mô tả theo:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai định kỳ



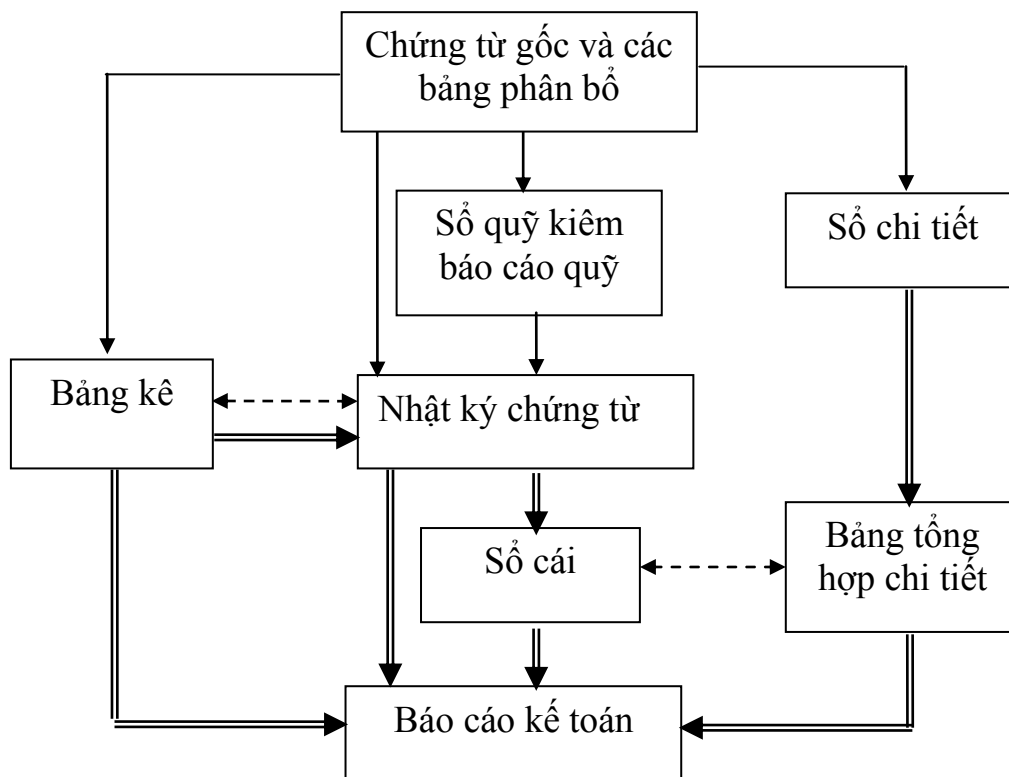
1.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán để phản ánh nguyên vật liệu:

Hình thức áp dụng ở công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I là nhật ký chứng từ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán.



Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

- Các sổ sách liên quan tới hình thức này: gồm sổ chi tiết nguyên vật liệu, bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn, nhật ký chứng từ số 1, 2, 5, 7, bảng kê, sổ cái các tài khoản có liên quan.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I

2.1: Đặc điểm tình hình chung của công ty:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của cty:

2.1.1.1. Thông tin chung:

- Tên công ty: Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I
- Trụ sở: Số 8 Nguyễn Tri Phương- quận Hồng Bàng- Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.842806
- Giám đốc: Đỗ Đức Nhân
- Điện thoại: 0903434804
- MST: 0200167006

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 16 - 02 -1957, Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I (Công ty tàu cuốc) đ- ợc thành lập. Nay là Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I. Hơn 40 năm qua đ- ợc sự chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải, của Tổng công ty xây dựng đ- ờng thủy và sự giúp đỡ của các cấp chính quyền, đoàn thể thành phố Hải Phòng, của nhiều địa ph- ơng và sự hợp tác của đơn vị bạn, công ty đã v- ợt qua bao khó khăn, thử thách, v- ơn lên hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Ngành nghề nạo vét, thông luồng đ- ờng thủy ở Hải Phòng đã có trên một thế kỷ. Ban đầu nó đ- ợc gắn liền với quá trình xây dựng Cảng Hải Phòng và ngày càng mở rộng theo sự gia tăng đầu t- khai thác thuộc địa của t- bản Pháp ở Bắc Kỳ. Hai năm sau khi cảng Hải phòng đ- ợc giải phóng công ty tàu cuốc ra đời trên cơ sở tàu cuốc d- ời thời thuộc Pháp để lại.

Từ đó, quá trình tr- ờng thành của công ty gắn liền với những công cuộc phát triển kinh tế, chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Tr- ớc năm 1965, công ty tàu cuốc là cơ sở duy nhất chịu trách nhiệm trực vớt thông luồng ở các cửa biển, tuyến sông đảm bảo giao thông đ- ờng thủy trên toàn miền Bắc Việt Nam.

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

Là một đơn vị vừa mang tính chất của ngành sản xuất kinh doanh, vừa mang tính chất phục vụ, trên cơ sở đó đảm bảo hạch toán kinh tế xã hội chủ nghĩa. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng. Trải qua bao khó khăn trở ngại, công ty đã có những chuyển biến rõ rệt, ngày càng vững chắc vươn lên trong cơ chế mới. Hiện nay công ty là doanh nghiệp Nhà nước và được giao nhiệm vụ :

- Nạo vét luồng sông, cửa biển, cửa âu ...
- Phun tạo bãi, san lấp mặt bằng.
- Xây dựng các công trình giao thông, công trình dân dụng.
- Khai thác cát đá sỏi.
- Sửa chữa thiết bị thủy.

Công ty tàu cuốc cũ nay là công ty nạo vét và xây dựng đê-ông thủy I là một cơ sở ra đời sớm và phát triển gắn liền với nhịp độ đầu tư, khai thác bóc lột của tư bản Pháp qua cảng Hải Phòng.

Năm 1874 ngay sau khi đánh chiếm tỉnh Hải Dương, thực dân Pháp buộc triều đình Huế từng bước giao quyền rồi nhượng hẳn vùng đất Ninh Hải, Cửa Cấm cho chúng.

Cửa Cấm có vị trí chiến lược quan trọng cho việc Bình Định sứ Bắc Kỳ và là cửa khẩu giao lưu kinh tế Bắc Đông Dương - Nam Trung Hoa, dù còn nhiều khó khăn hạn chế do tốc độ sa bồi nhưng thực dân Pháp vẫn quyết định xây dựng Cảng ở đây.

Năm 1875 cảng được khởi công và không thể thiếu được ngành tàu cuốc. Do vậy bộ phận tàu cuốc ra đời sớm, làm nhiệm vụ nạo vét luồng cửa Cấm - Nam Triệu và bến xây dựng cầu cảng.

Từ năm 1874 thực dân Pháp bắt đầu nạo vét thông luồng cửa cấm cho tàu thuyền ra vào luồng buôn bán, trao đổi hàng hoá và tiến hành xây dựng cảng Hải Phòng.

Hoạt động ngoại thương ở Hải Phòng ngày càng gia tăng, phần lớn số hàng hoá ở Bắc Kỳ đều xuất qua cảng Hải Phòng. Tàu cuốc không còn đơn thuần phục vụ cảng nữa mà phát triển mở rộng quy mô hoạt động.

Giao thông vận tải đê-ông thủy trở thành một ngành kinh doanh kinh tế đặc biệt liên tục phát triển, đời sống cán bộ công nhân viên của công ty ngày càng được nâng cao.

Công ty bảo toàn, phát triển được vốn sản xuất và làm ăn có lãi.

Tháng 7 năm 1996 công ty đ- ợc Nhà n- ớc tặng th- ờng huân ch- ơng lao động hạng nhất lần thứ hai.

Trong giai đoạn thống nhất đất n- ớc, công ty có đóng góp to lớn vào sự hình thành và phát triển của ngành nạo vét Việt Nam, những đơn vị nạo vét mới đ- ợc thành lập sau này trên cả hai miền đất n- ớc đều là bộ phận của công ty tách ra và phát triển lên.

Với thành tích đạt đ- ợc công ty đã đ- ợc Nhà n- ớc tặng th- ờng huân ch- ơng hạng nhất trong dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập công ty năm 1987 khi chuyển sang sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị tr- ờng công ty mạnh dạn sáng tạo đề ra chiến l- ợc sản xuất kinh doanh tăng cao khả năng cạnh tranh của công ty, chiếm lĩnh thị tr- ờng từ Bắc vào Nam, mở rộng ra tận đảo Phú Quốc, Phú Quý, chính vì vậy mà khả năng sản xuất của công ty liên tục ngày càng phát triển, đời sống cán bộ công nhân viên của công ty ngày càng đ- ợc nâng cao.

2.1.2. Đặc điểm về tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, Công ty đã xây dựng một cơ cấu tổ chức sao cho không chồng chéo, các phòng ban trong bộ máy quản lý với đầy đủ chức năng của mình mà vẫn quản lý tốt công việc cũng như chỉ đạo hướng dẫn các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty có hiệu quả.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

- 05 xí nghiệp thành phần, 02 đoàn tàu và 02 chi nhánh trực thuộc công ty
- Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng.

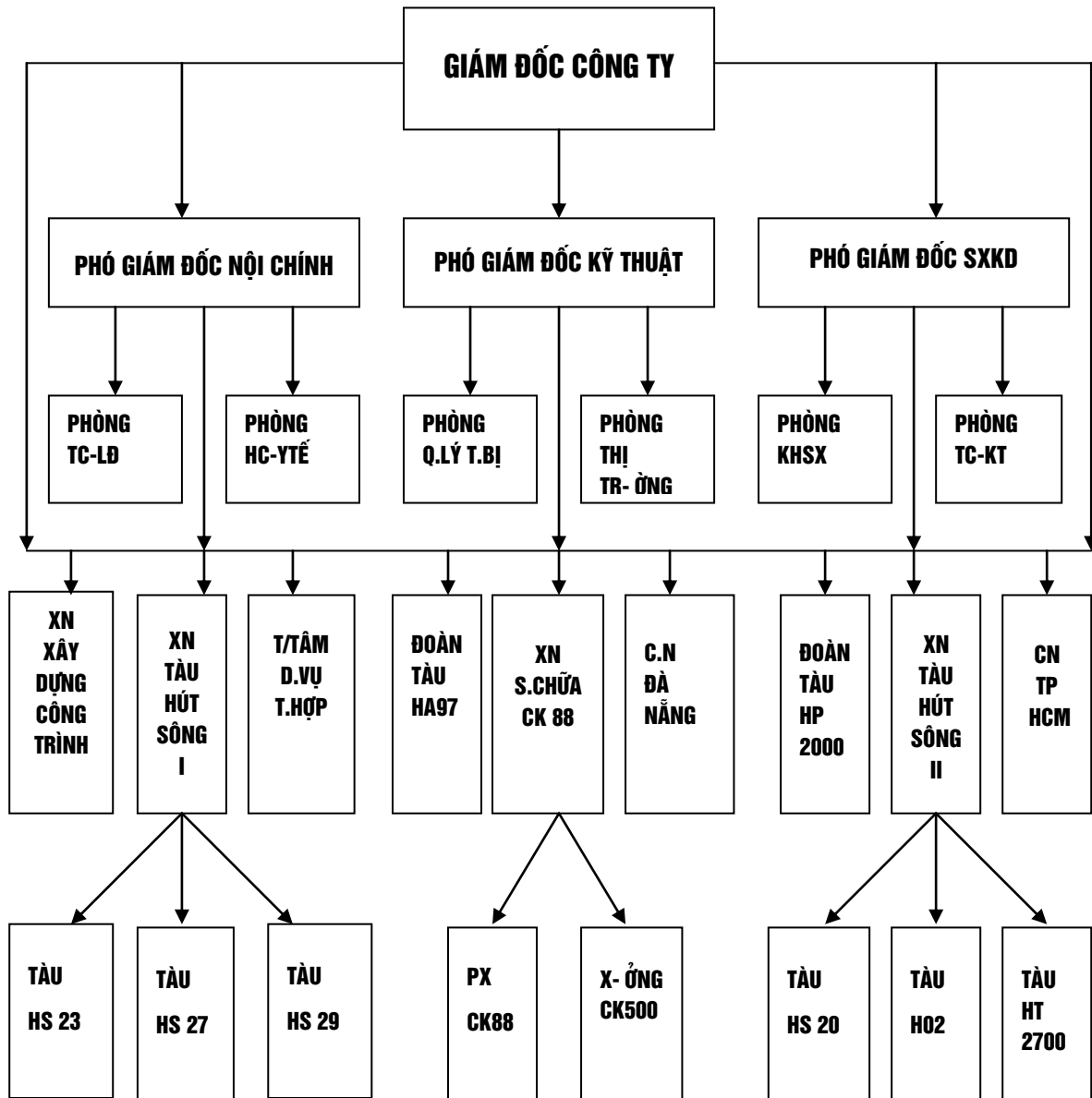
2.1.2.1. Ban giám đốc công ty bao gồm: 01 giám đốc và 03 phó giám đốc:

- Giám đốc công ty theo quyết định bổ nhiệm của Tổng Giám đốc - Tổng công ty xây dựng đ- ờng thủy - là ng- ời đứng đầu bộ máy quản lý của Công ty và có quyền điều hành cao nhất trong Công ty, trực tiếp điều hành 05 xí nghiệp thành viên, 02 đoàn tàu và 02 chi nhánh.

- Giúp việc cho giám đốc là các phó giám đốc :
 - + Phó giám đốc nội chính.
 - + Phó giám đốc kỹ thuật.
 - + Phó giám đốc SXKD.

Họ trực tiếp điều hành sản xuất sau đó báo cáo giám đốc công ty.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động SXKD của Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I



2.1.2.2. Hệ thống phòng ban : Gồm có 06 phòng ban là:

* Phòng tổ chức lao động: Có chức năng tham m-u cho Giám đốc công ty xây dựng tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng chính sách ng- òi lao động, quy chế hiện hành của Nhà n- ớc, tình hình phân công và bố trí lao động trong công ty một cách hợp lý nhất.

* Phòng quản lý thiết bị: Có chức năng mua sắm, quản lý máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, thực hiện sửa chữa và nâng cấp trang thiết bị, tham m-u cho giám

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

đốc đổi mới công nghệ, hoán cải nâng cấp ph-ong tiện đã cũ, đầu t- thêm thiết bị mới để đáp ứng kịp thời đ-ợc nhu cầu thị tr-ờng khách hàng cũng nh- để nâng cao chất l-ợng các công trình thi công.

* Phòng kế hoạch sản xuất: Có chức năng tham m-u cho Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất, báo cáo thực hiện. Xây dựng các bản giao khoán và quyết toán sản xuất cho các đơn vị trực thuộc. Triển khai quản lý giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch của toàn công ty, các xí nghiệp thành viên, các đoàn tàu và các chi nhánh trực thuộc công ty.

* Phòng thị tr-ờng: Có chức năng nắm bắt sự biến động thị tr-ờng, khai thác mở rộng thị tr-ờng, thực hiện các công đoạn tham gia dự thầu các công trình với các khách hàng trong cả n-ớc. Tham m-u với Giám đốc công ty để xây dựng đơn giá nạo vét sao cho phù hợp với từng thời điểm, hạn chế tối đa việc không trúng thầu.

* Phòng tài chính kế toán: Chịu trách nhiệm về công tác kế toán, tham m-u giúp việc cho Giám đốc quản lý nguồn tài chính trong công ty. Đồng thời có nhiệm vụ tổng hợp số liệu báo cáo với các cơ quan hữu quan là Tổng công ty, Sở tài chính. H-ớng dẫn và chỉ đạo theo ngành dọc xuống các đơn vị thành viên trong công ty về công tác kế toán, tập hợp số liệu quyết toán theo quý về công ty.

* Phòng hành chính - y tế : Có chức năng tổ chức công tác về hành chính thực hiện công tác văn th-, bố trí cho lãnh đạo và cán bộ công ty đi công tác bằng các ph-ong tiện. Khám chữa bệnh định kỳ cho CBCNV, cấp phát thuốc cho các tàu trên các công tr-ờng, mua bảo hiểm y tế cho CBCNV.

* Các đơn vị thành viên : 05 xí nghiệp, 02 chi nhánh và 02 đoàn tàu

- Xí nghiệp tài hút sông I
- Xí nghiệp tàu hút sông II
- Xí nghiệp xây dựng công trình
- Xí nghiệp sửa chữa cơ khí 88
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp
- Đoàn tàu HA97
- Đoàn tàu HP 2000
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Đà Nẵng

Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc: Tiến hành thực hiện các hợp đồng nạo vét, xây dựng, sửa chữa mà giám đốc công ty đã ký kết hợp đồng và ủy quyền lại cho các đơn vị. Công ty thực hiện có hiệu quả cơ chế khoán nội bộ và thanh toán cho các Đoàn tàu và Chi nhánh.

Riêng đối với các xí nghiệp đ- ợc hạch toán độc lập và thực hiện trích nộp theo tỷ lệ quy định của giám đốc công ty mà Phòng Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng. Một mặt các đơn vị thành viên chủ động tìm kiếm khách hàng cũng nh- mở rộng thị tr- ờng, khi đó Giám đốc công ty sẽ có khuyến khích về mặt tài chính. Các đơn vị tự chú trọng việc mua nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất kịp thời trên các công tr- ờng. Đặc biệt là các công tr- ờng lớn có tính trọng điểm, công ty sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện bằng cách tăng c- ờng thêm một số cán bộ có trình độ và kinh nghiệm để đẩy nhanh tiến độ sản xuất.

2.1.3.Đặc điểm về tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty:

2.1.3.1. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

- Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I là một doanh nghiệp Nhà n- ớc, có t- cách pháp nhân tiến hành tham gia vào hoạt động trong lĩnh vực nạo vét và xây dựng, trong đó nạo vét là chủ yếu.

- Công ty đã dần từng b- ớc mở rộng sản xuất kinh doanh, bổ sung những nhiệm vụ mới để phù hợp với cơ chế thị tr- ờng. Theo quyết định số 559 QĐ/TCCB - LĐ của Bộ Giao thông vận tải ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I là :

- Nạo vét luồng sông, cửa biển, cửa âu ...
- Phun tạo bãi, san lấp mặt bằng.
- Xây dựng các công trình giao thông, công trình dân dụng.
- Khai thác đá sỏi.
- Sửa chữa thiết bị thủy.

**** Công ty có những nhiệm vụ sau :***

- Tổ chức doanh nghiệp theo hình thức quốc doanh.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy chế hiện hành.

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- Nghiên cứu khả năng sản xuất, mở rộng thị trường trong nước từ Bắc vào Nam.
- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các biện pháp thi công trên các công trường, để không ngừng nâng cao chất lượng công trình. Một mặt là mở rộng thị trường, mặt khác là phải duy trì mối quan hệ với các khách hàng truyền thống để giữ vững và đẩy mạnh sản xuất.
- Tuân thủ các chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm chỉnh các hợp đồng, các văn bản pháp lý có liên quan mà công ty đã tham gia ký kết.
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, tự chủ về tài chính.
- Quản lý và chỉ đạo các đơn vị thành viên trực thuộc công ty thực hiện theo đúng quy chế hiện hành của Bộ Giao thông vận tải cũng như của Nhà nước.

2.1.3.2. Đặc điểm quy trình sản xuất kinh doanh của công ty:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I được hình thành và phát triển từ công ty tàu cuốc thời Pháp thuộc. Từ đó đến nay đã nhiều lần được đổi tên để phù hợp với tính chất công việc cũng như thay đổi nhiều phương thức tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của các thời kỳ Giám đốc khác nhau. Qua mỗi thời kỳ đều phát huy và sáng tạo thêm các biện pháp sản xuất mới đều nhằm cải thiện được tình hình tài chính của Công ty.

Không ngừng mở rộng quy mô sản xuất, mở rộng phạm vi kinh doanh đa dạng hoá ngành nghề: Từ chỗ trước đây chỉ đơn thuần là nạo vét khơi sâu luồng vào cửa sông, cầu cảng, luồng đảm bảo giao thông. Đến nay đã mở rộng thêm ngành xây dựng, sửa chữa phương tiện, dịch vụ máy móc vật tư thiết bị, san nền ...

Duy trì và phát huy mối quan hệ với các bạn hàng truyền thống, mở rộng thị trường từ Bắc vào Nam. Đặt các chi nhánh đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh tại Đà Nẵng để thuận tiện cho việc giao dịch với khách hàng cũng như phục vụ kịp thời sản xuất, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên sâu nghiệp vụ. Không ngừng đào tạo các lớp nghiệp vụ, ngoại ngữ. Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm tạo ra bộ máy làm việc có hiệu quả theo hướng tinh giảm biên chế, bố trí sắp xếp hợp lý cơ cấu lao động, một người giỏi một nghề và biết nhiều nghề. Công ty cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ trẻ tham gia các khóa học đại học, sau

đại học để có kiến thức để có thể đảm đ- ơng đ- ợc trọng trách trong t- ơng lai, trẻ hoá đội ngũ cán bộ kế cận.

Đối với các xí nghiệp thành viên trong công ty, ban lãnh đạo công ty có cơ chế cụ thể trong việc phân bổ thị tr- ờng cho phù hợp với tính năng kỹ thuật của từng con tàu của mỗi xí nghiệp. Các xí nghiệp đ- ợc hạch toán độc lập, có con dấu để chủ động giao dịch với khách hàng. Hết quý các xí nghiệp phải nộp báo cáo và trích nộp theo tỷ lệ quy định về phòng tài chính kế toán công ty để phòng có số liệu tổng hợp quyết toán toàn công ty.

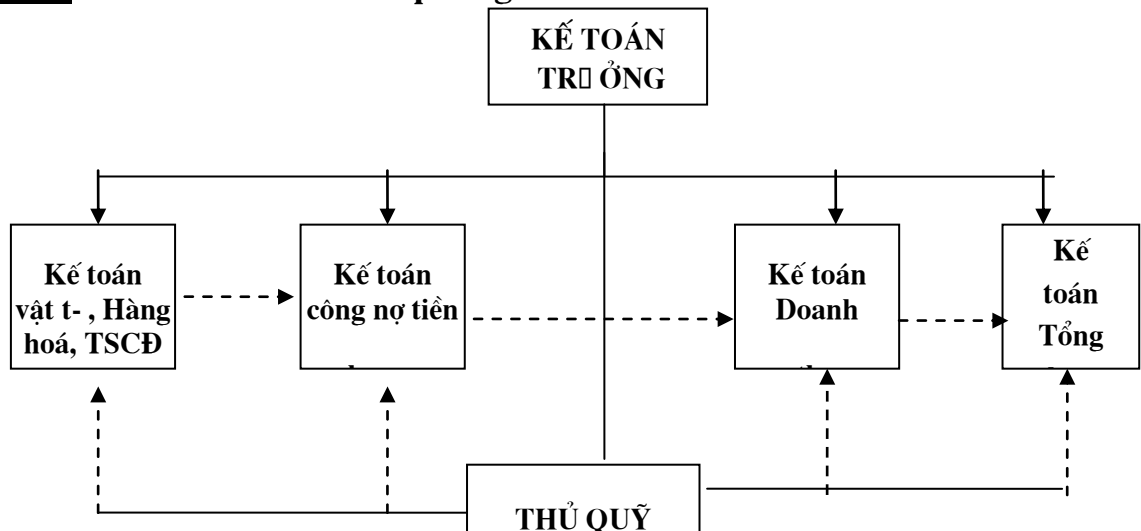
Đối với các đoàn tàu và các chi nhánh thì đ- ợc Công ty điều hành trực tiếp, ban lãnh đạo công ty và phòng kế hoạch sản xuất giao khoán cụ thể cho từng công tr- ờng, từng hạng mục công việc, sau đó sẽ quyết toán khi hoàn thành công việc. Cuối tháng bộ phận kế toán tập hợp chứng từ gửi về phòng kế toán tài chính để tổng hợp số liệu. Phần tiền l- ơng và nguyên vật liệu đ- ợc ghi rõ trong bản giao khoán và quyết toán sản phẩm của từng công trình.

Căn cứ vào chỉ tiêu công ty giao cho các đơn vị thành viên theo kế hoạch sản xuất của phòng sản xuất kinh doanh, nh- chỉ tiêu về sản l- ợng, doanh thu, nghĩa vụ trích nộp đối với công ty, đối với Nhà n- ớc, về lợi nhuận, về lao động và thu nhập đối với ng- ời lao động. Các đơn vị thành viên căn cứ vào đó để tiến hành tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh sao cho hợp lý nhằm hoàn thành kế hoạch mà công ty đề ra.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán ở công ty:

2.1.4.1. Cơ cấu tổ chức phòng kế toán:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức phòng kế toán



Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- Kế toán tr- ờng: Tổ chức điều hành, chỉ đạo kiểm tra mọi công việc do các nhân viên của phòng thực hiện. Đồng thời chịu trách nhiệm tr- ớc hội đồng quản trị, ban giám đốc, cơ quan quản lý Nhà n- ớc và Pháp luật các thông tin kế toán cung cấp.
- Kế toán công nợ tiền l- ờng: Kiểm tra các hoá đơn, chứng từ ghi số chi tiết làm thủ tục thanh toán thu, chi tiền l- ờng và các khoản phải thu, phải trả khách hàng ngày hoặc định kỳ.
- Kế toán vật t- , hàng hoá TSCĐ: Theo dõi tình hình biến dạng vật t- hàng hoá công cụ dụng cụ, làm các thủ tục nhập xuất vào các sổ chi tiết.
- Kế toán doanh thu, chi phí: Căn cứ vào tính chất công việc và tình hình sản xuất sản xuất kinh doanh, kế toán mở các tài khoản kế toán có liên quan và hạch toán các nhiệm vụ kinh tế. Mỗi tài khoản mở 1 sổ chi tiết theo dõi từ ngày cuối tháng tập hợp lập bảng kê hàng hoá cung cấp sang cho kế toán tổng hợp.
- Kế toán tổng hợp: Căn cứ vào các chứng từ gốc, các bảng kê chi tiết đối chiếu với chứng từ gốc làm cơ sở tập hợp các số liệu liên quan để ghi tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng.
- Thủ quỹ: Quản lý tiền mặt, căn cứ các chứng từ hợp lệ để tiến hành xuất nhập khẩu quỹ và ghi sổ quỹ.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty:

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Kỳ kế toán sử dụng là quý, Công ty thực hiện hạch toán hàng tồn kho theo ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên.
- Chế độ kế toán gồm: hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo kế toán được áp dụng theo : Quyết định 15/2006/QĐ-BTC 20/03/ 2006 của bộ tài chính về “chế độ kế toán doanh nghiệp”
- Phương pháp xác định giá nhập NVL, CCDC, TSCĐ theo giá gốc.
- Phương pháp xác định giá NVL, CCDC xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

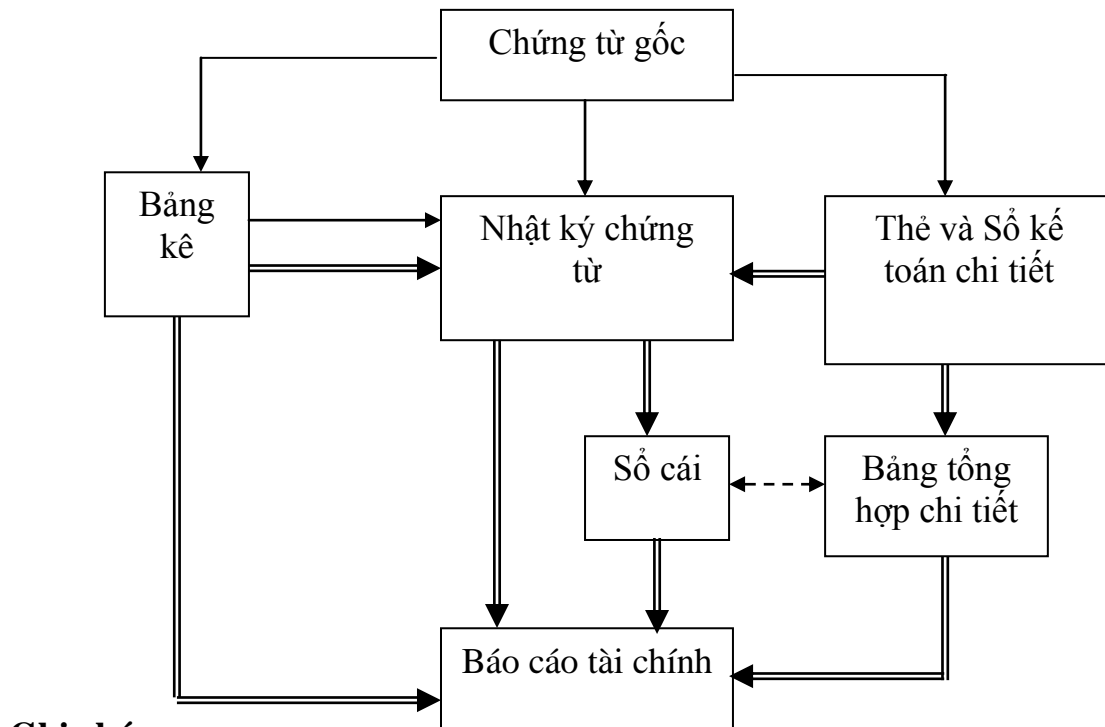
- Phương pháp tính thuế: Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quyết định số 15/2006/QĐ-BTC 20/03/ 2006 của bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ
- Hệ thống tài khoản kế toán: Vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC 20/03/ 2006 của bộ trưởng bộ tài chính.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán tại Công ty:

Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty là: hình thức nhật ký chứng từ.

Trong đó hệ thống sổ sách kế toán của Công ty bao gồm: Chứng từ gốc, Bảng kê, NKCT, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết, Sổ cái, Sổ quỹ tiền mặt, Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ tại Công ty



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tiến hành phân loại, lập định khoản; kế toán lập sổ quỹ tiền mặt, nhật ký chứng từ, bảng kê của các tài khoản liên quan và các chứng từ khác có liên quan.
- Cuối tháng kế toán đối chiếu giữa bảng kê và nhật ký chứng từ tài khoản liên quan tính số dư cuối kỳ trên các nhật ký chứng từ.
- Cuối tháng căn cứ vào nhật ký chứng từ kế toán vào sổ cái các tài khoản liên quan.
- Cuối quý căn cứ vào nhật ký chứng từ, sổ cái, bảng kê; kế toán lập các báo cáo tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán của Công ty:

Báo cáo tài chính của Công ty ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc báo cáo tài chính của các doanh nghiệp.

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu ở công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

2.2.1. Đặc điểm tình hình chung về vật liệu:

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu ở công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I:

Căn cứ vào vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu đồng thời để thuận tiện cho công tác theo dõi, quản lý vật tư, Công ty tiến hành phân loại nguyên vật liệu như sau:

- Nguyên vật liệu chính: là những loại nguyên liệu, vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, cấu thành thực thể chính của sản phẩm như: tôn, sắt, thép...
- Nguyên vật liệu phụ: là những loại nguyên vật liệu sử dụng kết hợp cùng với nguyên vật liệu chính nhằm nâng cao chất lượng, hình thức, mẫu mã của sản phẩm và những nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình hoạt động và bảo quản tư liệu lao động, phục vụ công việc lao động của công nhân như: que hàn, ôxy, gang...

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- Nhiên liệu: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như: dầu nhớt, dầu nhờn,...

- Phụ tùng thay thế sửa chữa: là các loại nguyên vật liệu dùng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- Thiết bị xây dựng cơ bản: là những loại vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản như: xi măng, cát,...

- Vật liệu khác: là những vật liệu không nằm trong các loại trên.

Toàn bộ số vật liệu trên được phân chia & quản lý theo các kho như kho vật liệu chính, phụ, kho phụ tùng.

2.2.1.2. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế:

a, Đối với nguyên vật liệu nhập kho:

Do tính chất sản xuất kinh doanh của Công ty nên nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu mua ở bên ngoài của một số doanh nghiệp như: Công ty CPTM Thái Bình Dương, Công ty CP V-TRAC, Doanh nghiệp tư nhân Quỳnh Vui...

*Trường hợp nguyên vật liệu được mua trong nước: Trị giá nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau:

$$f = \begin{array}{cccc} \text{Trị giá mua} & \text{Chi phí thu} & \text{Các khoản thuế} & \text{Các khoản} \\ \text{ghi trên hóa} & \text{mua thực tế} & \text{không hoàn lại} & \text{giảm trừ} \\ \text{đơn} & \text{phát sinh} & \text{(nếu có)} & \text{được hưởng} \end{array}$$

Ví dụ: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0007592 ngày 24/12/2010 Công ty mua que hàn của Công ty CP thép và vật tư HP, giá mua ghi trên hóa đơn là 40.000.000 đồng.

Đây là nguyên vật liệu không có các khoản thuế không hoàn lại và các khoản giảm trừ, đồng thời chi phí thu mua được tính luôn vào trị giá mua nên:

Trị giá thực tế que hàn nhập kho là: 40.000.000 đồng.

b, Đối với nguyên vật liệu xuất kho:

Việc xuất kho nguyên vật liệu của Chi nhánh Tổng công ty xây dựng đường thủy-Công ty sửa chữa phương tiện thủy và dịch vụ chủ yếu phục vụ cho các công trình

sửa chữa tàu thủy. Để tính giá nguyên vật liệu xuất kho, Công ty áp dụng 2 phương pháp:

-Phương pháp “thực tế đích danh”: đối với những nguyên vật liệu phục vụ theo nhu cầu riêng biệt của từng đơn hàng.

Ví dụ: Ngày 10/10/2010, xuất kho ống giãn nở phục vụ sửa chữa tàu Lam Kiều 01 với giá xuất được tính như sau:

+Tồn đầu kỳ: 0.

+Nhập trong kỳ (ngày 18/12/2010): 2 000 000 đ.

Vậy đơn giá xuất kho ống giãn nở là: 2 000 000 đ

- Phương pháp “bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ” (theo tháng): đối với những nguyên vật liệu thường dùng của Công ty, như: tôn, sắt, thép, que hàn, ôxy...

Ví dụ: Đối với nguyên vật liệu là que hàn, giá xuất dùng tháng 11 được xác định:

+Tồn đầu kỳ: 1 450 kg – đơn giá: 34 726 đ

+Nhập trong kỳ: ngày 04/11/2010: 2 000 kg – đơn giá: 35 000 đ

Vậy đơn giá xuất kho que hàn ngày 25/11/2010 là:

$$\begin{array}{r} \text{Giá bình quân} \\ \text{đơn vị cả kỳ dự} \\ \text{trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} (1\,450 \times 34\,726) \\ 1\,450 \end{array} + \begin{array}{r} (2\,000 \times 35\,000) \\ 2\,000 \end{array}}{1\,450 + 2\,000} = 34\,884,84 \text{ đ}$$

Vậy giá thực tế xuất kho đơn vị là: 34 884,84 đ

2.2.2. Thủ tục nhập, xuất kho vật liệu & hạch toán ban đầu:

2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu được mua trong nước. Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp Công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho các công trình sửa chữa, đánh giá được chi phí đầu vào của Công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành.

*Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.

- Phiếu nhập kho.

*Trình tự nhập kho:

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

Khi nguyên vật liệu về đến Công ty, bộ phận kho kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Trong trường hợp nguyên vật liệu nhập kho không đúng với yêu cầu thì sẽ đem hàng trả ngay lại cho bên cung cấp.

Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng vật tư.
- Liên 2: Giao cho người giao hàng.
- Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.

2.2.2.2. Thủ tục xuất nguyên vật liệu:

Đối với nguyên vật liệu xuất kho đem ra sửa chữa tàu thủy, muốn được cấp phải căn cứ vào bản hạn mức vật tư cho 1 đơn vị sản phẩm (do phòng kỹ thuật xác định). Kho vật tư căn cứ vào đó làm thủ tục xuất kho nguyên vật liệu. Số lượng vật tư xuất dùng trong tháng sử dụng không hết nhập lại kho để sử dụng cho tháng sau. Sau đó phiếu xuất kho được chuyển xuống phòng kế toán.

Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu.

Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu.

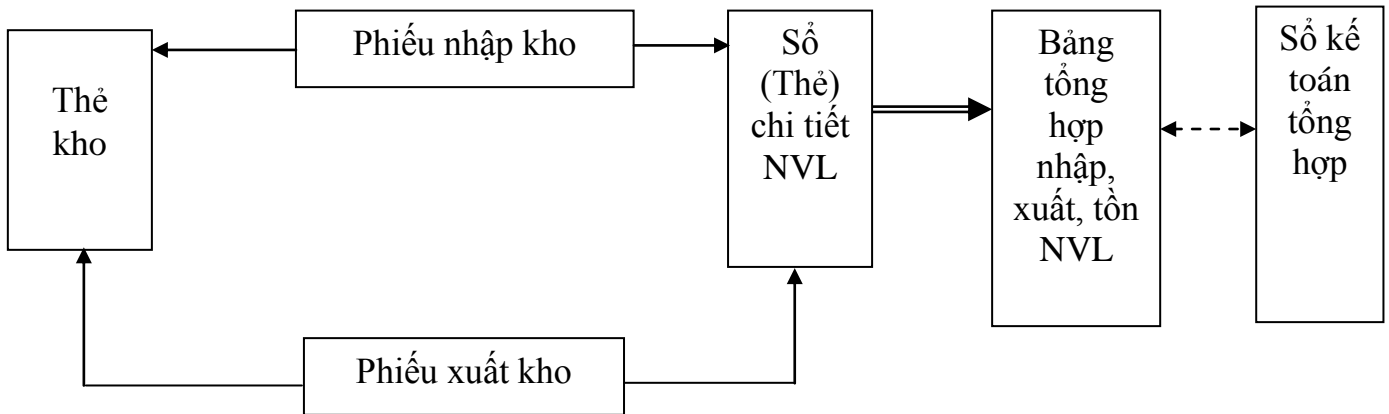
Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng vật tư.
- **Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.**

2.3.3 Kế toán chi tiết NVL:

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty tiến hành theo phương pháp ghi thẻ song song. Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ 2.4

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ phương pháp chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty



* **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Hàng ngày sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán. Đối với loại nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu riêng của từng đơn hàng thì không ghi thẻ kho.

***Tại phòng kế toán:**

Tại phòng kế toán, kế toán phải theo dõi tình hình nhập-xuất nguyên vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán, khi đã đủ điều kiện, kế toán viên ký tên và trình lãnh đạo ký. Lãnh đạo phòng kiểm tra lại lần nữa khi đã đủ điều kiện thì ký tên. Khi đã đầy đủ dữ liệu và số liệu, kế toán vào các sổ sách chứng từ liên quan: sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp tình hình nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu.

Ví dụ 1: Ngày 09/12/2010, mua bộ nguồn máy VHF cho tàu Lam Kiều 01 của Xi nghiệp điện tử an toàn Hàng Hải theo giấy đề nghị mua vật tư (Biểu 2.1). Sau khi được phê duyệt, phòng kế hoạch vật tư tiến hành mua nguyên vật liệu trả bằng tiền mặt.

- Khi nguyên vật liệu về đến Công ty, căn cứ theo hóa đơn GTGT số 0080166 (Biểu 2.2) phòng kế hoạch vật tư tiến hành kiểm nhập và viết phiếu nhập kho số 345 (Biểu 2.3). Ngày 15/12/2008, xuất kho nguyên vật liệu theo phiếu xuất số 2088 (Biểu 2.4) phục vụ sửa chữa tàu Lam Kiều 01.

BIỂU 2.1:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

số 8- Nguyễn Tri Phương- HP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Đề nghị lãnh đạo Công ty- Bộ phận vật tư mua vật tư phục vụ sửa chữa

Phương tiện: Tàu Lam Kiều 01

| TÊN VẬT TƯ | QUY CÁCH | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG |
|------------|----------|-------------|----------|
| | | | |
| Bộ nguồn | Theo mẫu | Bộ | 1 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Hải phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2010

PGĐ PHỤ TRÁCH KH-VT

PGĐ PHỤ TRÁCH KT

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

BIỂU 2.2:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Mẫu số:01 GTKT-3LL
ML/2010 B
0080166

| Đơn vị bán hàng Xí nghiệp điện tử-an toàn Hàng hải..... | | | | | |
|---|------------------------|---|----------|-------------------|------------|
| Địa chỉ: Km 104+950 đường 5-Dur Hàng Kênh-Lê Chân-HP..... | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Điện thoại:.....Mã số thuế: 0200396510 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng:..... | | | | | |
| Tên đơn vị: công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I | | | | | |
| Địa chỉ: Số 8- Nguyễn Tri Phương- HP | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....Mã số thuế: 0200167006 | | | | | |
| STT | Tên, hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Bộ nguồn AC/DC 220V | bộ | 01 | 2 500 000 | 2 500 000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 2 500 000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | 250 000 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 2 750 000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| | | (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | GIÁM ĐỐC | |
| | | | | Vũ Thị Trà | |

BIỂU 2.3:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I
Số 8- Nguyễn Tri Phương- HP

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 345

| | |
|-----------|-----------|
| NỢ | CÓ |
| 152 | 331 |

Họ tên người giao: Bà Tinh-XN Điện tử an toàn Hàng hải
Theo.....số.....ngày.....tháng.....năm200.....
Của: Tàu Lam Kiều 01
Nhập tại kho: Cty

| TT | TÊN HÀNG | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|------------------------|----------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | Bộ nguồn AC/DC 220V | bộ | 01 | 2 500 000 | 2 500 000 | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| | Cộng: | | | | 2 500 000 | |

Nhập, ngày 09 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

.BIỂU 2.4:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8- Nguyễn Tri Phương- HP

Số phiếu: 2088

NỢ 6211

CÓ 152

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Họ tên người nhận hàng: Ông Thịnh

Lý do xuất kho: Tàu Lam Kiều 01

Xuất tại kho (ngăn lô): Cty

Địa điểm:.....

| TT | TÊN HÀNG | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|---------------------|-------|-------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | Bộ nguồn AC/DC 220V | | bộ | 01 | 2 500 000 | 2 500 000 | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | |
| | Cộng: | | | | | 2 500 000 | |

Cộng thành tiền: Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

K.T trưởng

Thủ kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Thủ trưởng đơn vị

BIỂU 2.5:

Bộ phận Công ty quản lý

TRÍCH-THẺ KHO

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: bộ nguồn
- Đơn vị tính: bộ
- Mã số: AA01OA1

| STT | Ngày, tháng | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập, xuất | Số lượng | | | Ký xác nhận |
|------|-------------|------------------|---------|-------------------------|-----------------|-----------|-----------|----------|-------------|
| | | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | | Tồn đầu tháng 12 | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| 4 | 09/12 | PN 345 | | Nhập bộ nguồn | 09/12 | 01 | | | |
| ... | ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| 7 | 15/12 | | PX 6211 | Xuất bộ nguồn | 15/12 | | 01 | | |
| ... | ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | | Cộng cuối kỳ | | 10 | 10 | 0 | |

Ngày....tháng.....năm

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

BIỂU 2.6:

TRÍCH SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 152

Tên, quy cách nguyên vật liệu: bộ nguồn

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | | Ghi chú |
|-----------|---------------|----------------------|------------------|-----------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|------------|------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5=1x4 | 6 | 7=1x6 | 8 |
| | | Số dư đầu kỳ | | | | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PN 345 | 09/12 | Nhập bộ nguồn | 111 | 2 500 000 | 1 | 2 500 000 | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PX 1 2088 | 15/12 | Xuất bộ nguồn | 6211 | 2 500 000 | | | 1 | 2 500 000 | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | Cộng tháng 12 | | | 10 | 25 000 000 | 10 | 25 000 000 | 0 | 0 | |

Ngày...tháng.....năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

BIỂU 2.7:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Tài khoản: 152

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

| Stt | Mã vật tư | Vật tư | Số tiền | | | |
|------|-----------|---------------------|------------|---------------|---------------|-------------|
| | | | Tồn đầu kỳ | Nhập trong kỳ | Xuất trong kỳ | Tồn cuối kỳ |
| ... | ... | | ... | ... | ... | ... |
| 48 | DA01BL8 | Bộ nguồn AC/DC 220V | | 25 000 000 | 25 000 000 | |
| ... | ... | | ... | ... | ... | ... |
| 170 | DA01OA9 | Ôxy | | 4 410 000 | 3 920 000 | 490 000 |
| ... | ... | | ... | ... | ... | ... |
| 176 | DA01OA8 | Ống thép | | 249 200 000 | 224 280 000 | 24 920 000 |
| ... | ... | | ... | ... | ... | ... |
| 188 | AA01QA2 | Que hàn FCT 4ly | 180 000 | 40 000 000 | 36 541 720 | 3 458 280 |
| | | | ... | | | |
| | | Cộng | 56 011 838 | 642 317 783 | 501 683 020 | 196 646 601 |

Ngày....tháng....năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

BIỂU 2.8:

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT VẬT TƯ-TK 152

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

| TT | Tên vật tư | Đơn vị | Dư đầu tháng | | Nhập trong tháng | | | Xuất trong tháng | | | Dư cuối tháng | |
|-----|---------------------|--------|--------------|--------------------|------------------|-----------|--------------------|------------------|-----------|--------------------|---------------|--------------------|
| | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 48 | Bộ nguồn | bộ | | | 10 | 2 500 000 | 25 000 000 | 1 | 2 500 000 | 25 000 000 | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 170 | Ôxy | chai | | | 90 | 49 000 | 4 410 000 | 80 | 49 000 | 3 920 000 | 10 | 490 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 176 | Ống thép | ống | | | 40 | 6 230 000 | 249 200 000 | 36 | 6 230 000 | 224 280 000 | 4 | 24 920 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 188 | Que hàn FCT 4ly | kg | 10 | 180 000 | 2 000 | 20 000 | 40 000 000 | 1 828 | 19 884.9 | 36 541 720 | 182 | 3 458 280 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | Cộng tháng12 | | | 278.382.769 | | | 933.017.783 | | | 501 683 020 | | 709 717 532 |

Ngày...tháng.....năm

NGƯỜI LẬP

PHỤ TRÁCH PHÒNG KH-VT

PHỤ TRÁCH KT

LÃNH ĐẠO CTY

2.3.4. Kế toán tổng hợp nhập, xuất kho nguyên vật liệu:

2.3.4.1. Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu:

Căn cứ vào tình hình thực tế nguyên vật liệu, Công ty đang áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu.

a, Chứng từ sử dụng:

Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT...

b, Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty sử dụng tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”. Và công ty chia TK 152 ra làm các tài khoản cấp 2 gồm:

- 1521: nguyên vật liệu chính
- 1522: vật liệu phụ
- 1523: nhiên liệu
- 1524: phụ tùng thay thế
- 1525: vật liệu xây dựng cơ bản
- 1526: vật liệu khác

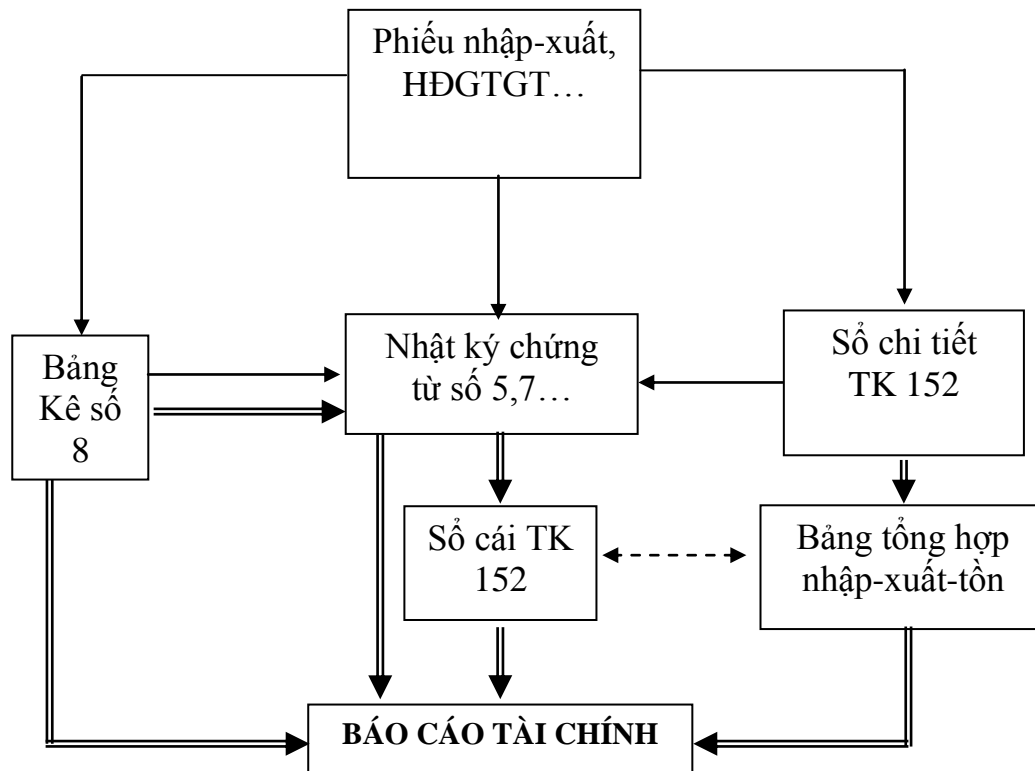
Và để đối ứng công nợ cho TK 152, công ty sử dụng TK 331, tương ứng với các tài khoản cấp 2 gồm:

- 3311: phải trả người bán nguyên vật liệu chính
- 3312: phải trả người bán vật liệu phụ
- 3313: phải trả người bán nhiên liệu
- 3314: phải trả người bán phụ tùng thay thế
- 3315: phải trả người bán vật liệu xây dựng cơ bản
- 3316: phải trả người bán vật liệu khác

Bên cạnh đó Công ty còn sử dụng các tài khoản có liên quan để hạch toán: TK111, TK112, TK141, TK331, TK621...

c, Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho-xuất kho...) kế toán nhập số liệu vào bảng kê số 8, NKCT số 5 và NKCT số 7....

- Sau đó từ bảng kê và NKCT, kế toán tổng hợp số liệu và nhập vào sổ cái TK152.

Hiện tại công ty nạo vét và xây dựng đường thủy 1 chỉ nhập kho nguyên vật liệu qua mua ngoài: Đối với các nguyên vật liệu mua ngoài, kế toán nguyên vật liệu tính giá nhập bằng giá mua ghi trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT) cộng thêm các khoản chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan tới mua hàng.

Việc nhập kho là theo nhu cầu nên có ít trường hợp hóa đơn về mà hàng chưa về. Vì thế công ty không sử dụng tài khoản 151: hàng đi đường.

Các trường hợp nhập khác trong thực tế công tác kế toán của xí nghiệp rất hiếm khi diễn ra hoặc không có

d, Các trường hợp nhập nguyên vật liệu ở công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I:

- Mua nguyên vật liệu trả bằng tiền mặt:

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

Ngày 24/12/2010, mua que hàn của Công ty CP thép và vật tư HP bằng tiền mặt để phục vụ sửa chữa theo hóa đơn GTGT số 0007592 (Biểu 2.10) và viết phiếu nhập kho số 366 (Biểu 2.11).

- Khi que hàn đã nhập kho, kế toán định khoản như sau:

N 152: 40 000 000

N 133: 4 000 000

C 111: 44 000 000

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho, kế toán lập NKCT số 1 (biểu số 2.12)

BIỂU 2.10:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 24 tháng 12 năm 2010

Mẫu số:01 GTKT-3LL
ML/2010 B
0007592

| Đơn vị bán hàng Cty CP thép và vật tư Hải Phòng..... | | | | | |
|--|------------------------|---|----------|-------------------|------------|
| Địa chỉ: Km 92 Đường 5 mới-HP..... | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Điện thoại:.....Mã số thuế: 0200421693 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng:..... | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I | | | | | |
| Địa chỉ: Số 8- Nguyễn Tri Phương- HP | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM.....Mã số thuế: 0200167006 | | | | | |
| STT | Tên, hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Que hàn FCT 4ly | kg | 2 000 | 20 000 | 40 000 000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 40 000 000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | 4 000 000 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 44 000 000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| | | (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | GIÁM ĐỐC | |
| | | | | Nguyễn Kim Tinh | |

BIỂU 2.11:

Đơn vị
Địa chỉ

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 24 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 366

| | |
|-----------|-----------|
| NỢ | CÓ |
| 152 | 111 |

Họ tên người giao: Bà Tình-Cty CP thép và vật tư HP
Theo.....số.....ngày.....tháng.....năm200.....
Của: phục vụ sản xuất
Nhập tại kho: Cty

| TT | TÊN HÀNG | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | Que hàn FCT 4ly | kg | 2 000 | 20 000 | 40 000 000 | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| | Cộng: | | | | 40 000 000 | |

Nhập, ngày 24 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

BIỂU 2.12:

Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I

Số 8- Nguyễn Tri Ph- ơng- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi có tài khoản 111- Tiền mặt

tháng 12 năm 2010

| STT | Ngày | Ghi có TK 111, ghi nợ các TK | | | | | Cộng có TK111 |
|-------------|-------|------------------------------|------------|------------|------------|-----------|---------------|
| | | 141 | 627 | 152 | 334 | 133 | |
| 4 | 03/12 | 3 500 000 | 10 275 900 | 2 500 000 | | 250 000 | 16 525 900 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 10 | 09/12 | | | 1 000 000 | 12 000 000 | 100 000 | 13 100 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 50 | 24/12 | 33 000 000 | 10 980 000 | 40 000 000 | 5 000 000 | 4 000 000 | 92 980 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| Cộng | | 36 500 000 | 21 255 900 | 43 500 000 | 17 000 000 | 1 381 868 | 122 605 000 |

Đã ghi sổ, ngày ...tháng....năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- Mua nguyên vật liệu trả bằng tiền gửi ngân hàng:

Theo Hóa đơn (GTGT) số 0026634 ngày 10 tháng 12 năm 2010 Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I mua của Công ty TNHH Th- ong mại Đồng Đạt 40 ống thép (mỗi ống dài 9 mét) để dẫn bùn đất với đơn giá là 6.148.000 đ/1 ống trả bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển trả bằng tiền mặt là 1 100 000 (đã bao gồm 10 % VAT)

Khi nguyên vật liệu về đến Công ty, căn cứ theo hóa đơn GTGT số 0026634 (Biểu 2.13) phòng kế hoạch vật tư tiến hành kiểm nhập và viết phiếu nhập kho số 346 (Biểu 2.14).

Kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của 1 ống thép là:

$$6.148.000 + 1.000.000/40 = 6.230.000 \text{ đ/ ống thép}$$

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho, kế toán định khoản như sau:

| | |
|---------|-------------|
| Nợ 152: | 248 200 000 |
| Nợ 133: | 12 460 000 |
| Có 112: | 259 560 000 |
| Có 111: | 1 100 000 |

Sau đó, kế toán lập nhật ký chứng từ số 2 (biểu số 2.15)

BIỂU 2.13:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01 GTKT-3LL

AY/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0026634

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Đồng Đạt..... | | | | | |
|---|------------------------|---|----------|-------------------|-------------|
| Địa chỉ: Km 90 – Hùng Vương -HP..... | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Điện thoại:.....Mã số thuế: 0200396510 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng:..... | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I | | | | | |
| Địa chỉ: Số 8- Nguyễn Tri Phương- HP | | | | | |
| Số tài khoản..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Tiền gửi ngân hàng.....Mã số thuế: 0200167006 | | | | | |
| STT | Tên, hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Ống thép | cái | 40 | 6.148.000 | 245.920.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 245.920.000 |
| Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT: | | | | | 12.296.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 258.216.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| | | (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | GIÁM ĐỐC | |
| | | | | Vũ Đức Đạt | |

BIỂU 2.14:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

PHIẾU NHẬP KHO

Số 8- Nguyễn Tri Phương- HP

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số : 346

Họ tên người giao: Trần Văn Dũng - cán bộ Phòng Quản lý thiết bị

Theo.....số.....ngày.....tháng.....năm 2010.....

Nợ 152

Của:

Có 112

Nhập tại kho: Cty

| TT | TÊN HÀNG | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|----------|----------------|----------|------------|-------------|---------|
| 1 | ống thép | cái | 40 | 6 230 000 | 249 200 000 | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| | Cộng: | | | | 249 200 000 | |

Bằng chữ : Hai trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn

Nhập, ngày 10 tháng 12 năm 2010

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NGƯỜI GIAO HÀNG

NGƯỜI NHẬN HÀNG

THỦ KHO

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

BIỂU 2.15:

Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I

Số 8- Nguyễn Tri Ph- ơng- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Ghi có tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng

tháng 12 năm 2010

| STT | Ngày | Ghi có tài khoản 112, ghi nợ các tài khoản | | | | |
|-------------|-------|--|-------------|------------|-------------|---------------|
| | | 627 | 111 | 133 | 152 | Cộng có TK112 |
| 1 | 01/12 | | 620 000 000 | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 1 | 09/12 | 1 120 000 | | 12 460 000 | 247 200 000 | 261 780 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| Cộng | | 6 350 000 | 750 000 000 | 19 562 600 | 247 200 000 | 1 023 112 600 |

Đã ghi sổ, ngày ...tháng....năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 03/12/2010, mua ôxy của Công ty CP CN tàu thủy Ngô Quyền chưa trả tiền theo hóa đơn GTGT số 0074077 (Biểu 2.16) để phục vụ sửa chữa và viết phiếu nhập kho số 328 (Biểu 2.17).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho, kế toán định khoản như sau:

| | |
|--------|-----------|
| N 152: | 4 410 000 |
| N 133: | 220 500 |
| C 331: | 4 630 500 |

Để theo dõi công nợ với từng người bán kế toán sử dụng sổ chi tiết theo dõi thanh toán TK 331 (biểu 2.18) => Sổ này dùng để theo dõi việc thanh toán với người bán theo từng đối tượng, từng thời hạn thanh toán, từng tài khoản. TK 331 là tài khoản phải theo dõi chi tiết từng người bán mà không bù trừ công nợ giữa các người bán với nhau vì vậy đầu kỳ hoặc cuối kỳ luôn có số dư bên nợ và bên có tùy thuộc thanh toán với người bán.

Ngoài ra, công ty còn dùng nhật ký chứng từ số 5 (biểu 2.19). NKCT 5 gồm 2 phần

+ Phần 1: tổng hợp tình hình thanh toán công nợ với người cung cấp nguyên vật liệu

+ Phần 2: phản ánh số phát sinh bên có 331 đối ứng nợ với các tài khoản có liên quan và phân theo dõi thanh toán.

Số liệu trên NKCT 5 là số tổng hợp trong tháng từ bảng tổng hợp công nợ và báo cáo phát sinh thanh toán trong kỳ. Trên NKCT 5 thì mỗi nhà cung cấp được ghi một dòng tương ứng với số tổng trên bảng tổng hợp công nợ và báo cáo phát sinh thanh toán trong kỳ.

BIỂU 2.16:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01 GTKT-3LL

ML/2010 B

0074077

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

| Đơn vị bán hàng Cty CP CN tàu thủy Ngô Quyền..... | | | | | |
|--|------------------------|---|----------|-------------------|------------|
| Địa chỉ: 76 QUANG TRUNG-NQ-HP..... | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Điện thoại:.....Mã số thuế: 0200727018 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng:..... | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I | | | | | |
| Địa chỉ: Số 8 – Nguyễn Tri Phương - HP | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán: chưa thanh toán.....Mã số thuế: 0200167006 | | | | | |
| STT | Tên, hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Ôxy | chai | 90 | 49 000 | 4 410 000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 4 410 000 |
| Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT: | | | | | 220 500 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 4 630 500 |
| Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| | | (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | GIÁM ĐỐC | |
| | | | | Trần Mạnh Hùng | |

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

BIỂU 2.17:

Đơn vị

Địa chỉ

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 328

Họ tên người giao: Bà Tâm -Cty CP CN tàu thủy Ngô Quyền

Theo.....số.....ngày.....tháng.....năm200.....

Của: Tàu TH03

Nhập tại kho: Cty

| NỢ | CÓ |
|-----------|-----------|
| 152 | 331 |

| TT | TÊN HÀNG | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|----------|-------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | Ôxy | chai | 90 | 49 000 | 4 410 000 | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| | Cộng: | | | | 4 410 000 | |

Thủ trưởng đơn vị

Phụ trách cung tiêu

Nhập, ngày 03 tháng 12 năm 2010
Người giao hàng

Thủ kho

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

BIỂU 2.18:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8- Nguyễn tri Phương- HP

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản :331

Đối tượng: Cty TNHH TM Thành Hải

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Thời hạn được chiết khấu | Số phát sinh | | Số dư | |
|-------------------|----------|------------|--------------------|------------|--------------------------|--------------|-----------|-------|----|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | có | Nợ | có |
| | | | Dư đầu kỳ | | | | | | |
| | | | Phát sinh trong kỳ | | | | | | |
| 02/12 | 23 | 02/12 | | 152 | | | 1 500 000 | | |
| | | | | 1331 | | | 150 000 | | |
| 29/12 | 24 | 29/12 | | 1111 | | 1 650 000 | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | 1 650 000 | 1 650 000 | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | | - | - |

- Sổ này có ...trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:.....

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Sinh viên: Đàm Thị Vân Trang – QT1105K

BIỂU 2.19:

TRÍCH NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

TK 331 – Phải trả cho người bán

| ST T | Tên khách | Dư nợ đầu kỳ | Dư có đầu kỳ | N1331 | N152 | ... | Cộng có | C1111 | C11212 | ... | Cộng nợ | Dư nợ cuối kỳ | Dư có cuối kỳ |
|---------|--|-------------------|----------------------|-------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|----------------------|---------------------|--------------------|
| 1 | AA017.A1 CH Lê Thị Tâm | | 666 000 | | | | | 666 000 | | | 666 000 | | |
| | | | | | | ... | | | | ... | | | |
| 5 | AA015.D9 Cty TNHH TM Thành Hải | | | 150 000 | 1 500 000 | | 1 650 000 | 1 650 000 | | | 1 650 000 | | |
| | | | | | | ... | | | | ... | | | |
| 10 | AA014/Cty CPCN tàu thủy Ngô Quyền | | 21 647 300 | 220 500 | 4 410 000 | | 4 630 500 | | 24 100 000 | | 24 100 000 | | 2 177 800 |
| ... | | | | | | ... | | | | ... | | | |
| | Cộng | 61 000 000 | 2 230 750 056 | 24 393 591 | 420 145 863 | ... | 522 229 014 | 222 830 900 | 317 626 657 | ... | 1 780 594 738 | | 911 384 332 |

Đã ghi sổ, ngày ...tháng....năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

Sinh viên: Đàm Thị Vân Trang – QT1105K

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- Mua nguyên vật liệu bằng tiền tạm ứng:

Ngày 30/12/2010, tạm ứng tiền cho ông Cao Xuân Thắng ở phòng kinh doanh mua 1500 lít dầu diezen ở Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp số 1- ợng nhiên liệu với giá 7 137 đ/ lít (chưa có 10% VAT) theo hóa đơn 0085461 (biểu 2.20)

Kế toán căn cứ vào hóa đơn viết phiếu nhập kho số 555 (biểu 2.21) và định khoản như sau:

Nợ 152: 10 705 500

Nợ 133: 1 070 550

Có 141: 11 776 050

Sau đó, kế toán lập NKCT số 10 để phản ánh nghiệp vụ tạm ứng tiền (biểu 2.22)

BIỂU 2.20:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01 GTKT-3LL
ML/2010 B
0074077

Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 30 tháng 12 năm 2010

| Đơn vị bán hàng: xí nghiệp kinh doanh tổng hợp số lượng nhiên liệu..... | | | | | |
|--|------------------------|---|----------|-------------------|------------|
| Địa chỉ: 86 QUANG TRUNG-NQ-HP..... | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Điện thoại:.....Mã số thuế: 0200896521 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng:..... | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I | | | | | |
| Địa chỉ: Số 8 – Nguyễn Tri Phương - HP | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM.....Mã số thuế: 0200167006 | | | | | |
| STT | Tên, hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Dầu diezen | lít | 1500 | 7 137 | 10 705 500 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 10 705 500 |
| Thuế suất GTGT: 10 Tiền thuế GTGT: | | | | | 1 070 550 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 11 776 050 |
| Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| | | (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | GIÁM ĐỐC | |
| | | | | Trần Văn Thắng | |

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

BIỂU 2.21:

Đơn vị

Địa chỉ

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 328

Họ tên người giao: ông Dũng- xí nghiệp kinh doanh tổng hợp số lượng nhiên liệu

Theo.....số.....ngày.....tháng.....năm200.....

Của: Tàu TH05

Nhập tại kho: Cty

| NỢ | CÓ |
|-----------|-----------|
| 152 | 331 |

| TT | TÊN HÀNG | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|------------|-------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | Dầu diezen | lít | 1500 | 7 137 | 10 705 500 | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| | Cộng: | | | | 10 705 500 | |

Thủ trưởng đơn vị

Phụ trách cung tiêu

Nhập, ngày 30 tháng 12 năm 2010
Người giao hàng

Thủ kho

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

BIỂU 2.22:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy 1

Số 8- Nguyễn Tri Phương- HP

TRÍCH NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có các tài khoản 141, 333,336,338.....

| STT | Diễn giải | Dư đầu kỳ | | Ghi nợ TK 141,333,338..., có các TK | | | Ghi có TK 141, 333, 338..., nợ các TK | | | | Dư cuối kỳ | |
|------|-----------|-------------|-------------|-------------------------------------|------|-------------|---------------------------------------|------------|------|-------------|------------|----|
| | | Nợ | Có | 111 | | Cộng nợ TK | 152 | 334 | | Cộng có TK | Nợ | Có |
| | | 23 690 000 | 48 564 000 | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | 15 265 000 | | 15 265 000 | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | 15 000 000 | | 15 000 000 | 10 705 500 | | | 10 705 500 | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng | 156 230 000 | 248 564 000 | 25 500 000 | | 361 235 000 | 120 054 000 | 56 230 000 | | 256 005 000 | 12 896 000 | |

Đã ghi sổ, ngày ...tháng....năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

2.3.4.2. Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu:

Công ty áp dụng phương pháp xuất nguyên vật liệu theo bình quân gia quyền cả kỳ

a, Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán xuất nguyên vật liệu ngoài 152 và các tài khoản cấp 2, công ty còn sử dụng một số tài khoản phản ánh chi phí như 621, 627, 641, 642.

TK 331 để phản ánh giảm công nợ trong trường hợp xuất vật tư trả lại cho người bán khi vật tư đã nhập kho & phát hiện không đảm bảo quy cách, phẩm chất như thỏa thuận.

b, Chứng từ sử dụng:

Phiếu xuất kho, bảng kê, sổ cái, sổ tổng hợp 152, bảng phân bổ nguyên vật liệu...

c, Mục đích xuất dùng nguyên vật liệu tại công ty:

- Xuất cho sản xuất:

Ngày 06/12/2010, xuất kho nguyên vật liệu ôxy phục vụ tàu TH03 theo phiếu xuất kho số 2035 (Biểu 2.23).

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán định khoản như sau:

Nợ 621: 4 410 000

Có 152: 4 410 000

- Xuất cho quản lý phân xưởng:

Ngày 15/12/2010, xuất kho nguyên vật liệu bộ nguồn theo phiếu xuất số 2088 (Biểu 2.4) cho bộ phận quản lý tàu Lam Kiều 01.

Căn cứ vào phiếu xuất, kế toán định khoản như sau:

Nợ 627: 2 500 000

Có 152: 2 500 000

- Xuất trả lại người bán:

Ngày 27/12/2010, xuất trả lại 10 ống giãn nở theo giá 2 000 000 đ/ống giãn nở vì không đúng quy cách theo thỏa thuận. Kế toán lập phiếu xuất số 2100 (biểu 2.24)

Căn cứ vào phiếu xuất, kế toán định khoản như sau:

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

Nợ 331: 22 000 000

Có 152: 20 000 000

Có 133: 2 000 000

Dựa vào các phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan khác, kế toán lập bảng phân bổ nguyên vật liệu (biểu 2.25), bảng kê số 8 (biểu 2.26), NKCT số 7 (biểu 2.27), sổ cái TK 152 (biểu 2.28).

BIỂU 2.23:

Đơn vị
Địa chỉ

Số phiếu: 2035
NỢ 6211
CÓ 152

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Địa chỉ (bộ phận): Tổ sắt hàn

Họ tên người nhận hàng: Ông Tú
Lý do xuất kho: Tàu TH03
Xuất tại kho (ngăn lô): Cty

Địa điểm:.....

| TT | TÊN HÀNG | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|----------|-------|-------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | Ôxy | | chai | 2 | 49 000 | 98 000 | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | |
| | Cộng: | | | | | 98 000 | |

Cộng thành tiền: Chín mươi tám nghìn đồng chẵn

K.T trưởng

Thủ kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Giám đốc

BIỂU 2.24:

Đơn vị
Địa chỉ

Số phiếu: 2100
NỢ 331
CÓ 152

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Họ tên người nhận hàng: Ông V ăn

Địa chỉ (bộ phận): cty CP Qu ynh Vui

Lý do xuất kho: trả lại hàng kém chất lượng

Xuất tại kho (ngăn lô): Cty

Địa điểm:.....

| TT | TÊN HÀNG | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|----|---------------|-------|-------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | ông gi ăn n ở | | ông | 10 | 2 000 000 | 20 000 000 | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | |
| | Cộng: | | | | | 20 000 000 | |

Cộng thành tiền: hai mươi triệu đồng chẵn

K.T trưởng

Thủ kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Giám đốc

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

BIỂU 2.25:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8- Nguyễn Tri Phương – HP

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2010

Số: 2013

| STT | GHI NỢ CÁC TK | GHI CÓ TK 152 |
|------------|---|----------------------|
| 1 | TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 385 053 420 |
| 2 | TK 627- Chi phí sản xuất chung | 245 562 210 |
| 3 | | |
| | Cộng | 501.683.020 |

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh viên: Đàm Thị Vân Trang – QT1105K

BIỂU 2.26:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8 – Nguyễn Tri Phương- HP

BẢNG KÊ SỐ 8

Nhập, xuất, tồn kho TK 152

Tháng 12 năm 2010

Số dư đầu kỳ: 56 011 838

ĐVT: 1000 đ

Số dư cuối kỳ: 196 560 375

Ngày ... tháng ... năm.....

| STT | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi nợ TK 152, ghi có các TK | | | | | | | | | Ghi có TK 152, ghi nợ các TK | | | | |
|------|----------|------------|---------------|------------------------------|---------|------------|------|---------|------------|------|---------|------------|------------------------------|------|---------|------------|------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | 111 | | | 112 | | | 331 | | | Cong no 152 | 621 | | | Cong co TK |
| | | | | SL | Đơn giá | Thành tiền | SL | Đơn giá | Thành tiền | SL | Đơn giá | Thành tiền | | SL | Đơn giá | Thành tiền | |
| 1 | PN82 | 1/12 | Nhập vật tư | 16 | 140 | 2 240 | | | | | | | 2 240 | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | PN328 | 3/12 | Nhập ôxy | | | | | | | 90 | 49 | 4 410 | 4 410 | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | PX2035 | 6/12 | Xuất ôxy | | | | | | | | | | | 2 | 49 | 98 | 98 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 109 | PN345 | 15/12 | Nhập bộ nguồn | 1 | 2 500 | 2 500 | | | | | | | 2 500 | | | | |

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--------|-------|----------------------|-------|------|--------|------|-------|---------|------|------|------|---------|------|-------|---------|---------|
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 115 | PX2088 | 15/12 | Xuất bộ nguồn | | | | | | | | | | | 1 | 2 500 | 2 500 | 2 500 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 130 | PN377 | 18/12 | Nhập ống thép | 40 | | 1 000 | 40 | 6 230 | 249 200 | | | | 249 200 | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 136 | PX2105 | 18/12 | Xuất ống thép | | | | | | | | | | | 20 | 6 230 | 124 600 | 124 600 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 195 | PN366 | 24/12 | Nhập que hàn 4 ly | 2 000 | 20 | 40 000 | | | | | | | 40 000 | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 224 | PX2174 | 25/12 | Xuất que hàn 4 ly | | | | | | | | | | | 40 | 19,99 | 799,6 | 799,6 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Đã ghi sổ, ngày ...tháng....năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

BIỂU 2.27:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8 – Nguyễn Tri Phương- HP

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7- PHẦN I

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

| STT | TK có TK nợ | C 111 | C 112 | C 131 | C 152 | | C 154 | C 331 | | Tổng cộng |
|-----|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------|---------------|-------------|-------|---------------|
| 1 | 154 | | | | | | | | | 1 400 683 715 |
| 2 | 621 | | | | 474 370 590 | | | | | 474 370 590 |
| 3 | 622 | | | | | | | | | 210 891 256 |
| 4 | 627 | 75 230 812 | 21 071 560 | | 27 312 430 | | | 77 689 560 | | 201 304 362 |
| 5 | Cộng A | 75 230 812 | 21 071 560 | | 501 683 020 | | | 77 689 560 | | 675 674 952 |
| 6 | 111 | | 620 000 000 | 20 000 000 | | | | | | 640 000 000 |
| 7 | 112 | | | 608 218 395 | | | | | | 608 218 395 |
| 8 | 141 | 193 098 687 | 101 588 200 | | | | | | | 294 686 887 |
| 9 | 152 | 43 500 000 | 247 200 000 | | | | | 420 145 863 | | 710 845 863 |
| 10 | 153 | 8 040 000 | | | | | | | | 8 040 000 |
| 11 | 632 | | | | | | 4 973 573 741 | | | 4 973 573 741 |
| 12 | Cộng B | 244 638 687 | 968 788 200 | 628 218 395 | | | 4 973 573 741 | 420 145 863 | | 7 235 364 886 |
| 13 | (A + B) | 319 869 499 | 989 859 760 | 628 218 395 | 501 683 020 | | 4 973 573 741 | 497 835 423 | | 7 911 039 838 |

Đã ghi sổ, ngày ...tháng....năm 2010

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh viên: Đàm Thị Vân Trang – QT1105K

BIỂU 2.28:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8 – Nguyễn Tri Phương- HP

SỔ CÁI TK 152

| Số dư đầu năm | |
|---------------|----|
| Nợ | Có |
| 278 382 769 | |

| Tài khoản đối ứng | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | Cộng |
|-------------------|-------------|-------------|-------------|---------------|
| 111 | 56 563 000 | 78 989 000 | 43 500 000 | 179 052 000 |
| 112 | 142 850 000 | 112 300 000 | 247 200 000 | 502 350 000 |
| 141 | 40 794 823 | 63 772 357 | 222 171 920 | 326 739 100 |
| 331 | 102 244 566 | 61 783 233 | 420 145 863 | 584 173 622 |
| Cộng phát sinh nợ | 342 452 389 | 316 844 590 | 933 017 783 | 1 592 314 762 |
| Cộng phát sinh có | 156 103 636 | 164 047 983 | 501 683 020 | 821 834 639 |
| Dư nợ cuối | 94 504 231 | 56 011 838 | 196 646 601 | 547 162 670 |
| Dư có cuối | | | | |

Ngày....tháng....năm....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

2.3.5 Công tác phân tích kinh tế về NVL ở công ty:

2.3.5.1. Công tác kiểm kê kho tại Công ty.

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I, tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là để xác định số lượng, chất lượng, trị giá nguyên vật liệu còn tồn kho; từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để có biện pháp bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp.

Trước mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời các sổ sách nguyên vật liệu tại phòng kế toán cũng phải khóa sổ để thuận tiện cho công tác đối chiếu.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm..., xác định số nguyên vật liệu còn trong kho so với sổ sách, Hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, Giám đốc công ty cùng với ban lãnh đạo và hội đồng kiểm kê sẽ đưa ra những quyết định hợp lý trong công tác nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay công tác tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty luôn đạt hiệu quả cao, không xảy ra tình trạng mất mát, hao hụt.

Ví dụ: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 02/01/2010, Hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư tại kho của Công ty (Biểu 2.29).

Khóa luận tốt nghiệp năm 2011

- Đối với trường hợp phát hiện thừa nguyên vật liệu khi kiểm kê, Kế toán định khoản như sau:

Nợ 152

Có 711

- Đối với trường hợp nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê: Mọi trường hợp thiếu Nguyên vật liệu trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê đều lập biên bản và tìm ra nguyên nhân. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý để ghi sổ kế toán.

+ Số nguyên vật liệu thiếu chưa rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, kế toán ghi:

Nợ 138

Có 152

+ Sau đó căn cứ vào quyết định xử lý như trừ vào tiền lương của người phạm lỗi, kế toán ghi:

Nợ 334

Có 138

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I trực thuộc Tổng công ty nạo vét và xây dựng đường thủy trên cơ sở tách chuyên nguyên trạng Xí nghiệp tàu hút sông II . Trải qua hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã không ngừng phát triển đi lên.

Trải qua bao thăng trầm thay đổi nhưng tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã luôn đoàn kết, chủ động sáng tạo, khắc phục những khó khăn; cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đưa công ty không ngừng trưởng thành và lớn mạnh.

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, Công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em đã tìm hiểu được nhiều kiến thức thực tế, củng cố kiến thức được học trong nhà trường và nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng có những ưu điểm và những hạn chế sau:

3.1.1 Ưu điểm:

Cùng với sự phát triển của Công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho Công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

3.1.1.1. Về bộ máy kế toán nói chung:

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán

có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Hơn thế nữa, một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán khá đầy đủ và hiện đại. Mỗi một nhân viên kế toán được trang bị máy vi tính có nối mạng để dễ chia sẻ và tổng hợp số liệu.

3.1.1.2 Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu:

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp như công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I, bởi nó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty, đến sự tồn tại của Công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các công trình sửa chữa. Công tác thu mua nguyên vật liệu luôn được đảm bảo về mặt chất lượng, số lượng, đáp ứng ngay khi có yêu cầu, góp phần đảm bảo tiến độ theo hợp đồng.

3.1.1.3. Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty đang áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo nhanh chóng phản ánh tình hình biến động của Công ty.

3.1.1.4. Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu:

- Công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Phương pháp này đã giúp Công ty

quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu chính xác, kịp thời; là một lựa chọn đúng đắn của Công ty.

- Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại Công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho từng công trình được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của Công ty đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của Công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sửa chữa tại các công trình giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

3.1.2 Hạn chế.

Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của Công ty bên cạnh những ưu điểm trên cần khắc phục những tồn tại:

3.1.2.1. Về việc luân chuyển chứng từ:

Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng kế hoạch vật tư, thủ kho, phòng kế toán diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi bị mất chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên nơi lòng việc quản lý chứng từ.

3.1.2.2. Về sổ sách kế toán:

Hệ thống sổ sách của Công ty được áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên do Công ty chỉ sử dụng một tài khoản duy nhất là TK152 để phản ánh cho tất cả các nguyên vật liệu. Điều này dẫn đến sự khó kiểm tra đối chiếu giữa các sổ với nhau.

3.1.2.3. Về hình thức ghi sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức nhật ký-chứng từ để ghi sổ nhưng các nhật ký chứng từ hiện nay thường được ghi định kỳ hoặc ghi vào cuối tháng nên công việc thường được dồn vào cuối tháng, gây áp lực cho kế toán nên không tránh khỏi những sai sót.

Bên cạnh đó đây là hình thức ghi sổ khá phức tạp. Hình thức này được áp dụng chủ yếu ở các doanh nghiệp sản xuất, mà lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là ngành nghề dịch vụ sửa chữa, do vậy hình thức nhật ký-chứng từ ở đây là không thực sự phù hợp.

3.1.2.4. Trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:

+ Do Công ty chỉ có một kho để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu nên chưa xây dựng được hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp riêng biệt các loại nguyên vật liệu.

+ Công ty vẫn chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu thường dùng để đảm bảo cho hoạt động sửa chữa không bị ngừng trệ.

+ Việc sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp vẫn chưa hiệu quả, còn gây nhiều lãng phí, chưa tận dụng được các phế liệu. Bởi chưa có chính sách quản lý việc sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp một cách hợp lý. Chưa tạo được đức tính tiết kiệm trong việc sử dụng nguyên vật liệu của công nhân.

+ Nhân viên chưa phát huy được hết tính sáng tạo, vẫn còn thái độ ỷ lại trong việc sử dụng nguyên vật liệu.

3.1.2.6. Một số hạn chế khác:

+ Hiện nay Công ty có một số nguyên vật liệu mang đặc thù riêng, như: nguyên vật liệu chỉ được nhập về khi có yêu cầu từ các hạng mục công trình khác nhau. Do đó giá cả nguyên vật liệu chịu tác động rất nhiều của thị trường.

+ Hiện nay Công ty vẫn thuộc hình thức doanh nghiệp Nhà nước. Do đó vẫn mang tính dựa dẫm, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước; dẫn đến sự thiếu năng động trong hoạt động kinh doanh.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

Để tồn tại, đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, đưa công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I ngày càng phát triển đi lên đòi hỏi các nhà quản lý

phải không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Chỉ có dựa trên những thông tin trung thực, chính xác của kế toán mới giúp cho các nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, hữu hiệu nhất. Do đó việc nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải tuân thủ những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhưng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của các kế toán viên, tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp...) phải đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

Qua quá trình thực tập tại Công ty, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, em có một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty:

3.2.1. Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng

người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu 3.1

Biểu 3.1:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng.....năm

| STT | Chứng từ | | Nội dung chứng từ | Nơi nhận chứng từ | Người nhận | Ký tên |
|-----|----------|----|-------------------|-------------------|------------|--------|
| | Ngày | Số | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Ví dụ 1: Về tình hình nguyên vật liệu trong tháng 12 tại kho của Công ty ở mục 2.2 như sau:

Khi nhập-xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; đồng thời chuyển cho phòng kế toán khi giao các chứng từ này cho kế toán nguyên vật liệu, kế toán viên phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của Công ty theo biểu 3.2

Biểu 3.2:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ Tháng 12 năm 2010

| STT | Chứng từ | | Nội dung chứng từ | Nơi nhận chứng từ | Người nhận | Ký tên |
|-----|----------|---------|-------------------|-------------------|----------------|--------|
| | Ngày | Số | | | | |
| ... | ... | ... | | | | |
| 19 | 03/12 | PN 328 | Nhập ôxy | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | ... |
| ... | ... | ... | | | | |
| 44 | 06/12 | PX 2035 | Xuất ôxy | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | |
| ... | ... | ... | | | | |
| 109 | 15/12 | PN 345 | Nhập bộ nguồn | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | |
| ... | ... | ... | | | | |
| 115 | 15/12 | PX 2088 | Xuất bộ nguồn | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | |
| ... | ... | ... | | | | |

| | | | | | | |
|-----|-------|---------|------------------|------------------|----------------|-------|
| 130 | 18/12 | PN 377 | Nhập ống giã nở | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | |
| ... | ... | ... | | | | |
| 136 | 18/12 | PX 2105 | Xuất ống giã nở | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | |
| ... | ... | ... | | | | |
| 195 | 24/12 | PN 366 | Nhập que hàn 4ly | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | |
| ... | ... | ... | | | | |
| 224 | 25/12 | PX 2174 | Xuất que hàn 4ly | Phòng TC-kế toán | Doãn Thị Duyên | |
| ... | ... | ... | | | | |

3.2.2. Hoàn thiện việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

3.2.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ chi tiết nguyên vật liệu:

Hiện nay do Công ty chỉ có một kho nên không phân loại nguyên vật liệu theo từng loại: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế sửa chữa...) mà chỉ sử dụng TK 152 phản ánh chung cho tất cả các nguyên vật liệu. Việc hạch toán này sẽ gây khó khăn cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu chi tiết và tổng hợp.

Vì vậy Công ty có thể phân chia sổ chi tiết TK152 theo từng loại hoặc nhóm nguyên vật liệu.

Ví dụ2: Về tình hình nhập nguyên vật liệu tại kho của Công ty theo mục 2.2 ta có mẫu sổ như sau:

BIỂU 3.3:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8 – Nguyễn Tri Phương- HP

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU
TK 152-NGUYÊN VẬT LIỆU: ÔXY

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: chai

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | | Ghi chú |
|----------|------------|----------------------|------------|---------|-----------|------------------|-----------|------------------|-----------|----------------|---------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5=1x4 | 6 | 7=1x6 | 8 |
| | | Số dư đầu kỳ | | | | | | | 4 | 156 000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PN 328 | 03/12 | Nhập ôxy | 331 | 49 000 | 90 | 4 410 000 | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PX 2035 | 06/12 | Xuất ôxy | 6211 | 49 000 | | | 2 | 98 000 | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | Cộng tháng 12 | | | 90 | 4 410 000 | 80 | 3 920 000 | 10 | 490 000 | |

Ngày...tháng.....năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

BIỂU 3.4:

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Số 8 – Nguyễn Tri Phương- HP

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU
TK 152-NGUYÊN VẬT LIỆU: QUE HÀN

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: kg

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | | Ghi chú |
|----------|------------|----------------------|------------|---------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|------------|------------------|---------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5=1x4 | 6 | 7=1x6 | 8 |
| | | Số dư đầu kỳ | | | | | | | 10 | 180 000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PN 366 | 24/12 | Nhập que hàn | 331 | 20 000 | 2 000 | 40 000 000 | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PX 2174 | 25/12 | Xuất que hàn | 6211 | 19 990 | | | 40 | 799 600 | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | Cộng tháng 12 | | | 2 000 | 30 000 000 | 1 828 | 27 209 607 | 182 | 3 458 280 | |

Ngày...tháng.....năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Sinh viên: Đàm Thị Vân Trang – QT1105K

3.2.3. Hoàn thiện về hình thức sổ sách kế toán:

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức ghi sổ là nhật ký-chứng từ. Hình thức ghi sổ khá phức tạp này được áp dụng chủ yếu ở các doanh nghiệp sản xuất; trong khi đó lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ sửa chữa, nên Công ty nên chuyển đổi sang hình thức nhật ký chung

Ví dụ: Về tình hình nguyên vật liệu trong tháng 12 tại kho của Công ty ở mục 2.2 , ta có thể lập mẫu sổ Nhật ký chung theo biểu 3.5 và sổ cái theo hình thức nhật ký chung theo biểu 3.6

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | | Số phát sinh | |
|-------------------|-------------------------|------------|--|---------------|----------|--------------------|-----|---------------------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | H | I | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 03/12 | PN 328 HĐ 0074077 | 03/12 | Nhập ôxy VAT đầu vào tương ứng | | | 152 133 | 111 | 4 410 000 441 000 | 4 850 000 |
| ... | ... | ... | ... | .. | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | PX 2035 | 06/12 | Xuất ôxy | | | 6211 | 152 | 98 000 | 98 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | PN 345 HĐ 0080166 | 15/12 | Nhập bộ nguồn VAT đầu vào tương ứng | | | 152 133 | 331 | 2 500 000 250 000 | 2 750 000 |
| 15/12 | PX 2088 | 15/12 | Xuất bộ nguồn | | | 6211 | 152 | 2 500 000 | 2 500 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 18/12 | PN 377 | 18/12 | Nhập ống thép VAT đầu vào tương ứng | | | 152 133 | 331 | 249 200 000 24 920 000 | 274 120 000 |
| 18/12 | PX 2105 | 18/12 | Xuất ống thép | | | 6211 | 152 | 124 600 000 | 124 600 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 24/12 | PN 366 | 24/12 | Nhập que hàn VAT đầu vào tương ứng | | | 152 133 | 331 | 40 000 000 4 000 000 | 44 000 000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/12 | PX 2174 | 25/12 | Xuất que hàn | | | 6211 | 152 | 799 600 | 799 600 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | | 642 317 763 | 501 683 020 |

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 3.6:

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: TK152

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------|------------|---------------------------|---------------|----------|------------|-------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang sổ | STT dòng | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | | F | H | 1 | 2 |
| | | | -Số dư đầu tháng | | | | 56 011 838 | |
| | | | -Số phát sinh trong tháng | | | | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| 03/12 | HD0074077 | 03/12 | Nhập ôxy | | | 331 | 4 410 000 | |
| 06/12 | PX 2035 | 06/12 | Xuất ôxy | | | 6211 | | 98 000 |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | HD0080166 | 15/12 | Nhập bộ nguồn | | | 331 | 2 500 000 | |
| 15/12 | PX 2088 | 15/12 | Xuất bộ nguồn | | | 6211 | | 2 500 000 |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| 18/12 | HD0099871 | 18/12 | Nhập ống thép | | | 331 | 249 200 000 | |
| 18/12 | PX 2105 | 18/12 | Xuất ống thép | | | 6211 | | 124 600 000 |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| 24/12 | HD0007592 | 24/12 | Nhập que hàn 4ly | | | 331 | 40 000 000 | |
| 25/12 | PX 2174 | 25/12 | Xuất que hàn | | | 6211 | | 799 600 |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | -Cộng số phát sinh tháng | | | | 642 317 783 | 501 683 020 |
| | | | -Số dư cuối tháng | | | | 196 646 601 | |

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

3.2.4. Hoàn thiện về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:

- Để bảo quản tốt nguyên vật liệu, giảm thiểu những hư hỏng mất mát, Công ty phải xây dựng hệ thống kho đủ tiêu chuẩn; đồng thời phải sắp xếp, bảo quản riêng theo từng nhóm nguyên vật liệu.

Ví dụ:

+Nhóm nguyên vật liệu như: tôn, sắt, thép, que hàn... phải để ở chỗ khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ; phải có hệ thống bạt phủ kín, che đậy.

+Nhóm nhiên liệu như: dầu nhớt, dầu nhờn... phải để ở những nơi bảo quản riêng biệt, chống cháy nổ.

-Xây dựng định mức dự trữ: Để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, công tác thu mua dự trữ nguyên liệu, vật liệu không bị động cũng như tình trạng tồn kho gây nhiều ứ đọng vốn, khó khăn về kinh tế thì Công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình, khả năng của Công ty.

+Định mức giá cho một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức giá} \\ \text{của một đơn vị} \\ \text{NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{đơn vị} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chuyên} \\ \text{chờ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí nhập} \\ \text{kho, bốc xếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết} \\ \text{khấu} \\ \text{(Nếu có)} \end{array}$$

+Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm phản ánh số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho một đơn vị thành phẩm, có cho phép những hao hụt bình thường:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng NVL cần} \\ \text{thiết để sản xuất} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{hụt cho} \\ \text{phép} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức NVL cho} \\ \text{sản phẩm hỏng} \\ \text{(cho phép)} \end{array}$$

Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu của một đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Định mức chi phí} & & \text{Định mức giá} & & \text{Định mức} \\ \text{một đơn vị sản phẩm} & = & \text{một đơn vị NVL} & \times & \text{lượng NVL} \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn đó có thể quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn.

- Biện pháp tận dụng thu hồi phế liệu, phế phẩm:

+ Chính sách kích thích tiên th-ởng: chính sách này hết sức có ý nghĩa trong sản xuất. Để khuyến khích công nhân làm việc hăng hái hơn, có hiệu quả hơn và có tinh thần trách nhiệm cao hơn, doanh nghiệp nào cũng cần phải sử dụng đến chính sách tiên th-ởng.

+ Thể hiện công tác quản lý và sử dụng tốt nguyên vật liệu thông qua việc tận dụng thu hồi phế liệu phế phẩm. Đây là việc làm không thể thiếu của mỗi doanh nghiệp, thể hiện sự quán triệt nguyên tắc tiết kiệm trong quản lý kinh tế, góp phần làm giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ nh- ng vẫn đảm bảo chất l- ượng theo yêu cầu. Để thực hiện có hiệu quả thì doanh nghiệp phải có mức th-ởng cho mỗi cá nhân khi họ làm tốt vấn đề này.

- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:

+ Những sáng kiến hay, những cải tiến mới về kỹ thuật sản xuất giúp cho việc sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả cao hơn, làm tăng năng suất lao động, nâng cao chất l- ượng sản phẩm. Vì vậy nên khuyến khích, động viên, khen th-ởng công nhân để họ có những đóng góp này, hơn nữa họ sẽ tận dụng hết khả năng vận dụng chúng vào công việc một cách có hiệu quả cao nhất.

+ Mở những đợt thi đua, khen th- ởng mang lại tinh thần phấn chấn cho công nhân , giúp họ có động lực v- on lên trong công việc, phát huy tài năng của mình.

3.2.5. Hoàn thiện về công tác hạch toán nguyên vật liệu ở Công ty.

Công ty nên mở thêm tài khoản 151(theo dõi hàng mua đang đi đường) bên cạnh tài khoản 152 (theo dõi nguyên vật liệu) để theo dõi nguyên vật liệu từ quá trình thu mua đến quá trình nhập kho.

Theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Mở TK 151 “Hàng mua đang đi đường”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu mua ngoài đã được quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng còn đang trên đường vận chuyển, ở bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ nhập kho.

Khi hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Hàng hóa, vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa nhập kho bao gồm:

+ Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán nhưng còn để ở kho người bán, ở bến bãi nhưng đang trên đường vận chuyển.

+ Hàng hóa, vật tư đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Kế toán hàng mua đang đi đường được ghi nhận trên TK151 theo nguyên tắc giá gốc được quy định trong chuẩn mực kế toán hiện hành

- Hàng ngày khi nhận được hóa đơn mua hàng nhưng hàng chưa về nhập kho, kế toán chưa ghi sổ mà tiến hành đối chiếu với hợp đồng kinh tế và lưu hóa đơn trong tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

Trong tháng, nếu hàng về nhập kho, kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng ghi sổ trực tiếp vào TK152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn mua hàng để ghi vào sổ TK151 “Hàng mua đang đi đường”.

- Kế toán phải mở chi tiết để theo dõi hàng mua đang đi trên đường theo từng chủng loại hàng hóa, vật tư, từng lô hàng.

3.2.6. Một số kiến nghị khác:

3.2.6.1. Ứng dụng phần mềm kế toán.

Công ty đang sử dụng hình thức Nhật ký chứng từ để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức ghi sổ khá phức tạp, khối lượng sổ sách tương đối nhiều, cồng kềnh. Vì vậy, công ty nên nhanh chóng áp dụng phần mềm kế toán vào tất cả các phần hành kế toán. Công ty có thể áp dụng một số phần mềm kế toán sau: MISA, SASINOVA, FAST, ACMAN...

Áp dụng phần mềm tin học vào tổ chức kế toán của công ty đem lại những hiệu quả cao trong công việc như:

- + Giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán.
- + Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hoá bộ máy kế toán của công ty.
- + Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời, có độ chính xác cao.
- + Tạo điều kiện cho Công ty dễ dàng kiểm soát các thông tin về tài chính kế toán.
- + Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về kết quả hoạt động của Công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ; đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của Nhà nước.
- + Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng được nhất quán trong toàn Công ty giúp cho việc hệ thống sổ sách chứng từ nhanh chóng, đạt hiệu quả cao.
- + Thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng.

3.2.6.2. Nghiên cứu thị trường:

Do đặc điểm kinh doanh của Công ty là sửa chữa tàu biển, đường thủy, nên nghiên cứu thị trường là vấn đề quan trọng trong việc cung cấp nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động của Công ty. Do đó giá cả nguyên vật liệu đầu vào có tác động rất lớn đến chi phí đầu vào, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận hàng năm của Công ty. Vì vậy vấn đề ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp nhằm ổn định chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả là vấn đề vô cùng quan trọng với các doanh nghiệp trong đó có công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

3.2.6.3. Hoàn thiện về loại hình doanh nghiệp:

Trước đây khi đất nước còn gặp nhiều khó khăn, Nhà nước bao cấp và trợ giá cho cuộc sống của người dân thì loại hình doanh nghiệp Nhà nước là phổ biến. Nhưng từ khi mở cửa hội nhập với thế giới, tình hình kinh tế trong nước đã có nhiều thay đổi, các doanh

ngiệp Nhà nước trở thành gánh nặng cho sự phát triển chung của đất nước. Hơn nữa các doanh nghiệp Nhà nước những năm gần đây thường xuyên làm ăn không có hiệu quả so với các doanh nghiệp khác. Chính vì vậy, Nhà nước luôn khuyến khích các doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I hiện nay vẫn thuộc loại hình doanh nghiệp Nhà nước. Do đó việc nhanh chóng chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần mang lại những ưu điểm nổi bật sau:

- Bớt gánh nặng cho Nhà nước, Nhà nước không phải bỏ tiền bù lỗ khi công ty làm ăn không có hiệu quả.

- Khi chuyển sang loại hình này, mỗi cán bộ công nhân viên đều là chủ doanh nghiệp nên họ có trách nhiệm hơn với doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế của doanh nghiệp và tránh được căn bệnh trước đây là ỷ vào Nhà nước, dẫn đến làm việc vô trách nhiệm. Đồng thời nó cũng tạo cho cán bộ công nhân viên có ý thức luôn tìm tòi, sáng tạo đưa ra những ý tưởng phát triển công ty.

KẾT LUẬN

Có thể nói ở các doanh nghiệp như Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I, kế toán vật liệu đóng vai trò vô cùng quan trọng trong công tác quản lý. Vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất tạo nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Quản lý tốt, sử dụng có hiệu quả nguyên vật liệu là một biện pháp tích cực để tiết kiệm chi phí. Đồng thời thông qua công tác kế toán nguyên vật liệu, các doanh nghiệp có thể ngăn ngừa được các hiện tượng tiêu cực, lãng phí vật liệu, ứ đọng vốn sản xuất kinh doanh. Đó là những kiến thức em được học trong nhà trường và nay được thực tế khẳng định.

Qua thời gian thực tập tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I đã giúp em nắm vững hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Em nhận thấy rằng lý thuyết nhận thức trong nhà trường cần phải đi đôi với việc nắm bắt thực tế trong đời sống kinh tế. Điều quan trọng là phải biết vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán trong thực tế một cách sinh động và chính xác nhất.

Do thời gian không nhiều và trình độ nhận thức có hạn nên khóa luận của em không thể tránh được những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự giúp đỡ và những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Ths Bùi Thị Thúy, các nhân viên kế toán trong phòng kế toán của Công ty đã giúp em hoàn thiện khóa luận này

Hải phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Đàm Thị Vân Trang

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu thu thập được tại công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I
2. Chế độ kế toán Việt Nam ban hành quyết định số 15/QĐ – BTC ngày 20/03/2006
3. Chuẩn mực kế toán Việt Nam 2006
4. Luận văn cuối khóa của một số khóa trước